Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-07-03 08:05:02 +07:00

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 218/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15;

Để thực hiện Hiệp định khung ASEAN về tạo thuận lợi cho hàng hóa quá cảnh ký ngày 16 tháng 12 năm 1998 và các Nghị định thư của Hiệp định;

Để thực hiện Hiệp định khung ASEAN về tạo điều kiện thuận lợi cho vận tải liên quốc gia ký ngày 10 tháng 12 năm 2009;

Để thực hiện Hiệp định khung ASEAN về tạo thuận lợi vận tải hành khách qua biên giới bằng phương tiện giao thông đường bộ ký ngày 13 tháng 10 năm 2017;

Để thực hiện Hiệp định về tạo thuận lợi cho vận chuyển hàng hóa và người qua lại biên giới các nước Tiểu vùng Mê Công mở rộng ký ngày 26 tháng 11 năm 1999, được sửa đổi ngày 30 tháng 4 năm 2004 và các Phụ lục, Nghị định thư thực hiện Hiệp định;

Để thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ký ngày 22 tháng 11 năm 1994 và Nghị định thư sửa đổi, Nghị định thư thực hiện Hiệp định;

Để thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào ký ngày 23 tháng 4 năm 2009 và Nghị định thư thực hiện Hiệp định;

Để thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia ký ngày 01 tháng 6 năm 1999 và Nghị định thư sửa đổi, Nghị định thư thực hiện Hiệp định;

Để thực hiện Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ ký ngày 17 tháng 01 năm 2013;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 6 Điều 4

"a) Tăng cường phương tiện vào các dịp Lễ, Tết và các kỳ thi trung học phổ thông quốc gia, tuyển sinh đại học, cao đẳng: đơn vị kinh doanh vận tải hành khách đang khai thác theo tuyến cố định căn cứ vào nhu cầu đi lại, thống nhất với bến xe khách xây dựng hoặc điều chỉnh phương án tăng cường phương tiện trên tuyến; gửi phương án tăng cường đến Sở Xây dựng hai đầu tuyến phối hợp, quản lý;".

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 5

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 như sau:

"b) Đề xuất, xây dựng và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: về các chính sách hỗ trợ của nhà nước về khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn địa phương theo quy định tại khoản 4 Điều 57 Luật Đường bộ; việc đấu thầu hoặc đặt hàng cung cấp dịch vụ công ích đối với tuyến xe buýt được hỗ trợ kinh phí hoạt động từ ngân sách nhà nước trong danh mục mạng lưới tuyến đã công bố theo quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật về giá; quy trình đặt hàng khai thác đối với tuyến xe buýt nội tỉnh, liên tỉnh và tuyến xe buýt có sử dụng xe ô tô thoáng nóc chở khách du lịch không được hỗ trợ kinh phí hoạt động từ ngân sách nhà nước trong danh mục mạng lưới tuyến đã công bố;".

2. Bổ sung điểm đ vào khoản 3 như sau:

"đ) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng cho hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt được hỗ trợ kinh phí hoạt động từ ngân sách nhà nước trên địa bàn địa phương.".

3. Bổ sung khoản 6 vào Điều 5 như sau:

"6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Quản lý hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn;

b) Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định các chính sách hỗ trợ của nhà nước về khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn địa phương theo quy định tại khoản 4 Điều 57 Luật Đường bộ;

c) Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng cho hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt được hỗ trợ kinh phí hoạt động từ ngân sách nhà nước trên địa bàn địa phương;

d) Tổ chức thực hiện việc đấu thầu hoặc đặt hàng cung cấp dịch vụ công ích đối với tuyến xe buýt được hỗ trợ kinh phí hoạt động từ ngân sách nhà nước trong danh mục mạng lưới tuyến đã công bố theo quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật về giá;

đ) Ban hành quy trình đặt hàng và tổ chức đặt hàng khai thác đối với tuyến xe buýt nội tỉnh, liên tỉnh và tuyến xe buýt có sử dụng xe ô tô thoáng nóc chở khách du lịch không được hỗ trợ kinh phí hoạt động từ ngân sách nhà nước trong danh mục mạng lưới tuyến đã công bố.".

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 7

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 như sau:

"a) Đơn vị kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng: không được xác nhận đặt chỗ cho từng hành khách đi xe; không được bán vé; không được thu tiền; không được ấn định hành trình, lịch trình cố định để phục vụ cho nhiều hành khách hoặc nhiều người thuê vận tải khác nhau; không được sử dụng xe kinh doanh vận tải đón, trả khách tại trụ sở chính, trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc tại một địa điểm cố định khác do đơn vị kinh doanh vận tải thuê, hợp tác kinh doanh, trên các tuyến đường phố;".

2. Bổ sung khoản 11 vào Điều 7 như sau:

"11. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2028, đơn vị kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng phải thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu về các nội dung theo quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 2 Điều 17 của Nghị định này của Hợp đồng vận tải hành khách trước khi thực hiện chuyến đi cho Bộ Công an (Cục Cảnh sát giao thông). Dữ liệu từ hệ thống của Bộ Công an (Cục Cảnh sát giao thông) được khai thác sử dụng để phục vụ công tác tuần tra, kiểm soát và nghiệp vụ khác có liên quan; kết nối chia sẻ dữ liệu cho Bộ Xây dựng (Cục Đường bộ Việt Nam), Bộ Tài chính (Cục Thuế, Cục Hải quan), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Xây dựng) để phục vụ công tác quản lý nhà nước theo chức năng nhiệm vụ.".

3. Bổ sung khoản 12 vào Điều 7 như sau:

"12. Bộ Công an quy định, hướng dẫn việc kết nối, chia sẻ và sử dụng dữ liệu hợp đồng vận tải hành khách.".

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 12

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

"5. Sở Xây dựng có trách nhiệm tổ chức tập huấn nghiệp vụ vận tải cho người lái xe kinh doanh vận tải của đơn vị kinh doanh vận tải trên địa bàn tỉnh, thành phố quản lý và đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Bảo đảm đúng các nội dung theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này;

b) Trong quá trình tổ chức tập huấn Sở Xây dựng được phối hợp với đơn vị kinh doanh vận tải trên địa bàn địa phương, Hiệp hội vận tải ô tô Việt Nam, hiệp hội vận tải ô tô địa phương, cơ sở đào tạo lái xe ô tô, trường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức của bộ, cơ quan ngang bộ, các trường đào tạo từ trung cấp trở lên (các trường có chuyên ngành vận tải) để tổ chức tập huấn cho người lái xe;

c) Trước khi tổ chức tập huấn Sở Xây dựng thông báo đến đơn vị kinh doanh vận tải trên địa bàn địa phương tối thiểu trước 30 ngày (tính đến ngày bắt đầu tổ chức tập huấn) về kế hoạch tập huấn (bao gồm: thời gian, địa điểm tập huấn, danh sách cán bộ tập huấn, hình thức tập huấn, kinh phí khóa học cho một học viên) để đơn vị kinh doanh vận tải có nhu cầu đăng ký danh sách lái xe của đơn vị mình tham gia tập huấn. Trong thời gian trước 20 ngày (tính đến ngày bắt đầu tập huấn) đơn vị kinh doanh vận tải lập và gửi danh sách học viên đăng ký tập huấn đến Sở Xây dựng. Sở Xây dựng tiếp nhận và tổng hợp danh sách học viên theo đăng ký của đơn vị kinh doanh vận tải; xây dựng kế hoạch tập huấn gồm: tổ chức các lớp tùy theo nhu cầu ở địa phương mà bố trí số lớp tập huấn lái xe cho phù hợp; có thể chia thành các lớp theo chuyên ngành vận tải như hàng hóa, hành khách hay tổ chức chung; bố trí thời gian, địa điểm, danh sách cán bộ tập huấn, thời khóa biểu của các tiết học, số điện thoại liên hệ và phải ban hành quyết định tổ chức tập huấn;

d) Quản lý, giám sát quá trình thực hiện tập huấn, kiểm tra và cấp Giấy chứng nhận đối với những người đã hoàn thành tập huấn theo mẫu quy định tại Phụ lục VI kèm theo Nghị định này; hồ sơ chương trình tập huấn và kết quả tập huấn (gồm: biên bản tổng kết, danh sách học viên hoàn thành, bài kiểm tra, quyết định công nhận kết quả) được lưu trữ 05 năm tính từ ngày kết thúc tập huấn theo quy định của pháp luật về lưu trữ.".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

"6. Hình thức tập huấn: trực tiếp hoặc trực tuyến.".

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

"7. Tổ chức kiểm tra và cấp Giấy chứng nhận

a) Việc tổ chức kiểm tra được thực hiện như sau:

Người dự tập huấn phải bảo đảm tham gia đầy đủ thời gian học thì mới đủ điều kiện để được kiểm tra. Kết thúc chương trình tập huấn phải làm bài kiểm tra trong thời gian 120 phút. Điểm kiểm tra kết thúc chương trình tập huấn được chấm theo thang điểm 10, điểm kiểm tra từ 5 điểm trở lên là đạt yêu cầu;

b) Hình thức kiểm tra tập trung: làm bài kiểm tra viết (tự luận hoặc trắc nghiệm) trên giấy hoặc làm bài trắc nghiệm trên máy tính đối với trường hợp Sở Xây dựng có hệ thống phần mềm thi trắc nghiệm chuyên dụng, có ngân hàng câu hỏi và trộn đề, kết quả được chấm điểm tự động và tổng hợp làm căn cứ đánh giá kết quả tập huấn;

c) Cấp Giấy chứng nhận tập huấn: những lái xe kinh doanh vận tải có điểm của bài kiểm tra đạt từ 5 điểm trở lên thì được Sở Xây dựng cấp Giấy chứng nhận tập huấn theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều này. Những lái xe kinh doanh vận tải có điểm của bài kiểm tra đạt dưới 5 điểm thì được Sở Xây dựng kiểm tra lại sau tối thiểu 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc của mỗi đợt tập huấn. Giấy chứng nhận tập huấn có giá trị trong thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp.".

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 13

"6. Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng có niên hạn sử dụng như sau: không quá 15 năm đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly trên 300 ki-lô-mét, không quá 20 năm đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly từ 300 ki-lô-mét trở xuống.

Riêng xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng có sức chứa dưới 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) sử dụng hợp đồng điện tử có niên hạn sử dụng không quá 12 năm.".

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 19

"b) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) bao gồm: số, ngày, tháng, năm, cơ quan cấp; mã số doanh nghiệp, mã số đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, mã số hợp tác xã, mã số liên hiệp hợp tác xã, mã số tổ hợp tác, mã số hộ kinh doanh;".

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 20

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bao gồm:

a) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử của giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc dữ liệu điện tử của văn bằng, chứng chỉ của người trực tiếp điều hành hoạt động vận tải đối với đơn vị kinh doanh vận tải theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị định này.

Văn bản hoặc tài liệu chứng minh kinh nghiệm làm việc tại đơn vị kinh doanh vận tải tối thiểu từ 03 năm trở lên đối với đơn vị kinh doanh vận tải theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị định này (trừ trường hợp người trực tiếp điều hành vận tải là chủ hộ hoặc người đại diện pháp luật của đơn vị kinh doanh vận tải);

c) Bản chính hoặc bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản chính hoặc dữ liệu điện tử của Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ bộ phận quản lý an toàn của đơn vị kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ;

d) Bản chính hoặc bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản chính hoặc dữ liệu điện tử của Quyết định giao nhiệm vụ đối với người trực tiếp điều hành hoạt động vận tải.".

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau:

"a) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử của giấy đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh trong đó nêu rõ lý do xin cấp lại theo mẫu quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này;".

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 21

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"a) Đơn vị kinh doanh vận tải nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh đến Sở Xây dựng nơi đơn vị kinh doanh vận tải đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh theo một trong các hình thức sau: trực tiếp, trực tuyến, dịch vụ bưu chính. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

b) Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh thẩm định hồ sơ, cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ theo mẫu quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định này. Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh thì cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh phải trả lời bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh kiểm tra thông tin dữ liệu về Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trước khi cấp Giấy phép kinh doanh.".

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

"5. Việc tiếp nhận hồ sơ được thực hiện trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Xây dựng hoặc trực tiếp tại cơ quan cấp hoặc dịch vụ bưu chính. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại cơ quan cấp hoặc dịch vụ bưu chính, nếu hồ sơ hợp lệ thì cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Xây dựng.

Cơ quan cấp thực hiện việc xử lý hồ sơ, trả kết quả và cấp giấy phép kinh doanh trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Xây dựng hoặc ứng dụng VNeID hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính;

Từ ngày 15 tháng 9 năm 2026, việc tiếp nhận hồ sơ, cập nhật thông tin của hồ sơ và trả kết quả cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo hình thức trực tuyến được thực hiện trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.".

4. Bổ sung điểm i vào khoản 6 như sau:

"i) Đơn vị kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng sử dụng xe ô tô chở người từ 08 chỗ trở lên (không kể chỗ của người lái xe) hoặc xe ô tô có thiết kế, cải tạo với số chỗ ít hơn 08 chỗ từ xe ô tô lớn hơn 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) có vi phạm quy định sử dụng xe kinh doanh vận tải đón, trả khách tại trụ sở chính, trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc tại một địa điểm cố định khác do đơn vị kinh doanh vận tải thuê, hợp tác kinh doanh, trên các tuyến đường phố.".

5. Sửa đổi, bổ sung điểm b và điểm d khoản 7 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b như sau:

"b) Gửi quyết định thu hồi Giấy phép kinh doanh cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trong thời gian 02 ngày kể từ ngày ban hành quyết định, Sở Xây dựng đăng tải quyết định thu hồi trên Trang thông tin điện tử của Sở; cập nhật trạng thái Giấy phép kinh doanh vận tải bị thu hồi vào Cơ sở dữ liệu cấp phép hoạt động vận tải.

Từ ngày 15 tháng 9 năm 2026, thực hiện gửi quyết định thu hồi Giấy phép kinh doanh đến đơn vị kinh doanh vận tải theo hình thức trực tuyến;";

b) Sửa đổi, bổ sung điểm d như sau:

"d) Khi cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh ban hành quyết định thu hồi Giấy phép kinh doanh đối với loại hình kinh doanh vận tải có vi phạm; trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ký, đơn vị kinh doanh vận tải phải dừng hoạt động kinh doanh vận tải theo quyết định thu hồi.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký Quyết định thu hồi Giấy phép kinh doanh, Sở Xây dựng không cấp lại Giấy phép kinh doanh cho đơn vị kinh doanh vận tải. Sau thời hạn trên, nếu có nhu cầu tiếp tục tham gia kinh doanh, đơn vị kinh doanh vận tải làm thủ tục để được cấp Giấy phép kinh doanh, phù hiệu theo quy định tại khoản 1 Điều 21 và khoản 6 Điều 23 Nghị định này.".

6. Sửa đổi, bổ sung điểm a và bổ sung điểm c khoản 8 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a như sau:

"a) Quản lý, tổ chức thực hiện việc cấp, cấp lại Giấy phép kinh doanh bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ cho đơn vị kinh doanh vận tải hành khách và kinh doanh vận tải hàng hóa trên địa bàn địa phương;";

b) Bổ sung điểm c vào khoản 8 như sau:

"c) Từ ngày 15 tháng 9 năm 2026, thực hiện gửi quyết định thu hồi Giấy phép kinh doanh đến đơn vị kinh doanh vận tải theo hình thức trực tuyến.".

7. Bổ sung khoản 9 vào Điều 21 như sau:

"9. Đơn vị kinh doanh vận tải

a) Nộp hồ sơ, nhận kết quả và quản lý, lưu trữ, sử dụng Giấy phép kinh doanh theo pháp luật về lưu trữ;

b) Từ ngày 15 tháng 9 năm 2026, thực hiện nộp đề nghị chấm dứt hoạt động, nhận quyết định thu hồi Giấy phép kinh doanh theo hình thức trực tuyến.".

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 22

1. Sửa đổi, bổ sung tên khoản 2 như sau:

"2. Đối với các tuyến vận tải hành khách cố định điều chỉnh, bổ sung (tuyến đã công bố) hoặc tuyến mới (tuyến chưa được công bố)".

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau:

"a) Đối với tuyến vận tải hành khách cố định điều chỉnh, bổ sung (tuyến đã công bố), đơn vị kinh doanh vận tải theo tuyến cố định có nhu cầu đăng ký khai thác các giờ xe chạy (nốt xe) còn trống hoặc điều chỉnh, bổ sung hành trình tuyến hoặc điều chỉnh thời gian giãn cách giữa các chuyến xe liền kề (tăng hoặc giảm thời gian giãn cách) hoặc điều chỉnh lưu lượng (tăng số chuyến so với số chuyến xe đã công bố) xây dựng phương án khai thác tuyến gửi về Sở Xây dựng (nơi đơn vị kinh doanh vận tải đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh) để đăng ký khai thác tuyến theo quy định và Sở Xây dựng đầu tuyến bên kia để phối hợp quản lý.

Đối với tuyến mới (tuyến chưa được công bố), đơn vị kinh doanh vận tải có văn bản trao đổi hoặc biên bản thống nhất với bến xe hai đầu tuyến. Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải, bến xe phải có văn bản trao đổi hoặc biên bản thống nhất với đơn vị kinh doanh vận tải; trường hợp không đồng ý phải ghi rõ lý do. Sau khi có ý kiến thống nhất của các bến xe hai đầu tuyến, đơn vị kinh doanh vận tải xây dựng phương án khai thác tuyến gửi về Sở Xây dựng (nơi đơn vị kinh doanh vận tải đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh) để đăng ký khai thác tuyến theo quy định và Sở Xây dựng đầu tuyến bên kia để phối hợp quản lý;".

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 như sau:

"b) Bản chính hoặc bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản chính văn bản trao đổi hoặc biên bản thống nhất giữa bến xe hai đầu tuyến với đơn vị kinh doanh vận tải tham gia khai thác tuyến (áp dụng đối với trường hợp tuyến mới (tuyến chưa được công bố) hoặc tuyến có điều chỉnh tăng lưu lượng).".

4. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 4 như sau:

"c) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Xây dựng nơi tiếp nhận hồ sơ thực hiện rà soát và gửi văn bản lấy ý kiến thống nhất trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Xây dựng với Sở Xây dựng đầu tuyến bên kia. Trong thời gian 01 ngày làm việc, Sở Xây dựng đầu tuyến bên kia có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Xây dựng về việc đồng ý hoặc không đồng ý (nêu rõ lý do). Trường hợp Sở Xây dựng đầu tuyến bên kia không có văn bản trả lời thì hệ thống sẽ tự động chuyển sang trạng thái đã đồng ý;".

5. Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm b khoản 6 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a như sau:

"a) Trước khi ngừng khai thác 05 ngày, đơn vị kinh doanh vận tải phải gửi thông báo đến Sở Xây dựng, bến xe hai đầu tuyến và gỡ bỏ phù hiệu đang dán trên phương tiện vào ngày ngừng khai thác tuyến. Bến xe hai đầu tuyến thực hiện niêm yết thông báo tại bến xe tối thiểu 10 ngày kể từ khi nhận được thông báo của đơn vị kinh doanh vận tải;".

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b như sau:

"b) Trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày đơn vị ngừng khai thác tuyến, Sở Xây dựng nơi đơn vị đặt trụ sở chính (hoặc trụ sở chi nhánh) có thông báo công khai bằng văn bản đến Sở Xây dựng đầu tuyến bên kia trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Xây dựng, đồng thời đăng tải thông tin ngừng khai thác tuyến trên Trang thông tin điện tử của Sở và thực hiện việc cập nhật các nội dung theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 4 của Nghị định này vào Cơ sở dữ liệu cấp phép hoạt động vận tải;".

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

"7. Đơn vị kinh doanh vận tải bị thu hồi Thông báo đăng ký khai thác tuyến thành công của chuyến xe đang khai thác nếu trong một tháng thực hiện dưới 50% tổng số chuyến xe đã đăng ký hoạt động trong một tháng (tổng số chuyến xe đăng ký hoạt động trong 01 tháng tính theo tổng số chuyến xe trong Thông báo đăng ký khai thác tuyến thành công). Không áp dụng thu hồi Thông

báo đăng ký khai thác tuyến thành công của chuyến xe đang khai thác trong trường hợp phương tiện phải ngừng hoạt động do nguyên nhân: thiên tai, tai nạn giao thông hoặc sự kiện bất khả kháng (sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép).".

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 23

1. Sửa đổi khoản 5 như sau:

"5. Hồ sơ đề nghị cấp phù hiệu phải bảo đảm đủ các thành phần như sau:

a) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử của giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu quy định tại Phụ lục V kèm theo Nghị định này;

b) Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì xuất trình thêm bản chính hoặc bản sao hoặc bản sao điện tử của một trong các giấy tờ sau: hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng cho thuê tài chính.".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

"6. Trình tự, thủ tục cấp phù hiệu

a) Đơn vị kinh doanh vận tải gửi 01 bộ hồ sơ (trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính) đề nghị cấp phù hiệu đến Sở Xây dựng nơi đã cấp Giấy phép kinh doanh cho đơn vị; trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định hoặc bến xe khách có nhu cầu sử dụng xe trung chuyển nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp phù hiệu "XE TRUNG CHUYỂN" đến Sở Xây dựng nơi cấp Giấy phép kinh doanh cho đơn vị hoặc Sở Xây dựng đầu tuyến bên kia. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp phù hiệu thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. Trường hợp gửi hồ sơ trực tuyến, đơn vị kinh doanh vận tải phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin đã đăng ký đề nghị cấp phù hiệu;

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đúng quy định, cơ quan cấp kiểm tra thông tin dữ liệu về Giấy chứng nhận đăng ký xe trên Cơ sở dữ liệu về đăng ký phương tiện để bảo đảm phương tiện đủ điều kiện kinh doanh vận tải trước khi cấp phù hiệu cho các xe theo đề nghị của đơn vị kinh doanh vận tải và cập nhật các phù hiệu đã cấp vào Cơ sở dữ liệu cấp phép hoạt động vận tải. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Xây dựng trả lời bằng văn bản hoặc trả lời thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

Việc tiếp nhận hồ sơ được thực hiện trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Xây dựng hoặc trực tiếp tại cơ quan cấp hoặc dịch vụ bưu chính. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại cơ quan cấp hoặc dịch vụ bưu chính, nếu hồ sơ hợp lệ thì cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Xây dựng.

Cơ quan cấp thực hiện việc xử lý hồ sơ trên Cơ sở dữ liệu cấp phép hoạt động vận tải, trả kết quả và cấp phù hiệu trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Xây dựng hoặc ứng dụng VNeID hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

Từ ngày 15 tháng 9 năm 2026, việc tiếp nhận hồ sơ, cập nhật thông tin của hồ sơ và trả kết quả cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo hình thức trực tuyến được thực hiện trên Cổng Dịch vụ công quốc gia;

c) Cơ quan cấp kiểm tra thông tin dữ liệu về Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các xe ô tô để bảo đảm phương tiện đủ điều kiện kinh doanh vận tải trên hệ thống Đăng kiểm Việt Nam hoặc Cơ sở dữ liệu đăng kiểm phương tiện giao thông đường bộ.".

3. Sửa đổi khoản 7 như sau:

"7. Phù hiệu được cấp lại khi hết hạn khi thay đổi chủ sở hữu phương tiện hoặc thay đổi đơn vị kinh doanh vận tải. Hồ sơ, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp lại phù hiệu thực hiện theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều này. Thời hạn của phù hiệu được cấp lại theo quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp cấp lại phù hiệu khi hết hạn, đơn vị kinh doanh vận tải được đề nghị cấp lại phù hiệu trong khoảng thời gian 15 ngày tính đến ngày hết hạn phù hiệu.".

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 9 như sau:

"9. Sở Xây dựng

a) Quản lý, tổ chức thực hiện việc cấp, cấp lại các loại phù hiệu theo quy định tại Điều này;

b) Không thực hiện cấp mới, cấp lại phù hiệu cho xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ trong thời gian xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ đó bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng hoặc trong thời gian 30 ngày kể từ ngày ký Quyết định thu hồi phù hiệu (trừ trường hợp xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ đó chuyển quyền sử dụng, sở hữu hoặc trường hợp đơn vị bị thu hồi phù hiệu theo quy định tại điểm đ và điểm e khoản 10 Điều này);

c) Gửi cho đơn vị kinh doanh vận tải văn bản hoặc dữ liệu điện tử thông báo về việc phù hiệu hết giá trị sử dụng khi nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền về việc tước quyền sử dụng phù hiệu và đăng tải thông tin trên Trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng. Định kỳ 05 ngày làm việc cuối hằng tháng, Sở Xây dựng thông báo bằng văn bản danh sách các xe sẽ hết hạn phù hiệu của tháng tiếp theo và đăng tải thông tin trên Trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng.".

5. Sửa đổi điểm e khoản 10 như sau:

"e) Thu hồi phù hiệu khi đơn vị kinh doanh vận tải có báo cáo gửi Sở Xây dựng không tiếp tục sử dụng phương tiện để kinh doanh vận tải;";

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 11 như sau:

"11. Sở Xây dựng

a) Ban hành quyết định thu hồi phù hiệu do cơ quan mình cấp đối với đơn vị kinh doanh vận tải bị thu hồi phù hiệu theo quy định tại khoản 10 Điều này, điểm d khoản 7 Điều 21 của Nghị định này;

b) Gửi quyết định thu hồi phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trong thời gian 02 ngày kể từ ngày ban hành quyết định, Sở Xây dựng đăng tải quyết định thu hồi trên Trang thông tin điện tử của Sở; cập nhật trạng thái các phù hiệu bị thu hồi vào Cơ sở dữ liệu cấp phép hoạt động vận tải.

Từ ngày 15 tháng 9 năm 2026, thực hiện gửi quyết định thu hồi phù hiệu đến đơn vị kinh doanh vận tải theo hình thức trực tuyến;

c) Khi cơ quan cấp phù hiệu ban hành quyết định thu hồi, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ký, đơn vị kinh doanh vận tải phải dừng hoạt động kinh doanh vận tải đối với xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ bị thu hồi;

d) Chưa giải quyết cấp mới, cấp lại phù hiệu đối với đơn vị kinh doanh vận tải vi phạm quy định bị thu hồi phù hiệu nhưng không chấp hành quyết định thu hồi phù hiệu; sau khi đơn vị kinh doanh vận tải chấp hành xong quyết định thu hồi phù hiệu, cơ quan cấp phù hiệu thực hiện giải quyết theo quy định tại điểm c khoản 11 Điều này.".

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 12 như sau:

"12. Đơn vị kinh doanh vận tải

a) Nộp hồ sơ, nhận kết quả và quản lý, lưu trữ, sử dụng phù hiệu theo pháp luật về lưu trữ.

Từ ngày 15 tháng 9 năm 2026, thực hiện nộp đề nghị không sử dụng phương tiện để kinh doanh vận tải, nhận quyết định thu hồi phù hiệu theo hình thức trực tuyến;

b) Quản lý, tổ chức thực hiện việc in ấn các loại phù hiệu theo các mẫu tại Phụ lục XIII kèm theo Nghị định này; thực hiện dán phù hiệu lên phương tiện theo quy định tại Nghị định này;

c) Phải thường xuyên truy cập vào Cổng dịch vụ công quốc gia, Cơ sở dữ liệu cấp phép hoạt động vận tải, Trang thông tin điện tử của Sở để kiểm tra thông tin liên quan đến đơn vị và trạng thái của giấy phép kinh doanh, phù hiệu. Trường hợp không còn sử dụng phương tiện để kinh doanh vận tải (chuyển nhượng hoặc cho đơn vị khác thuê xe hoặc ngừng kinh doanh vận tải), trong thời gian 10 ngày kể từ ngày ngừng hoạt động kinh doanh, đơn vị kinh doanh vận tải phải gửi báo cáo bằng văn bản về Sở Xây dựng nơi cấp; đồng thời gỡ bỏ phù hiệu đang dán trên phương tiện;

d) Không được sử dụng xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ để kinh doanh vận tải trong thời gian xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng (Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, phù hiệu) hoặc bị thu hồi phù hiệu;

đ) Không thực hiện nộp hồ sơ xin cấp mới, cấp lại phù hiệu cho xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ trong thời gian bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng hoặc trong thời gian 30 ngày kể từ ngày ký Quyết định thu hồi phù hiệu (trừ trường hợp xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ đó chuyển quyền sử dụng, sở hữu hoặc trường hợp đơn vị bị thu hồi phù hiệu theo quy định tại điểm đ và điểm e khoản 10 Điều này).".

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 30

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Thành phần hồ sơ: Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN theo Mẫu số 01 Phụ lục VII kèm theo Nghị định này.".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố.".

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Trình tự, thủ tục

a) Đơn vị kinh doanh vận tải nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN đến cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép theo một trong các hình thức sau: trực tiếp, trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia, dịch vụ bưu chính;

b) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoặc dịch vụ bưu chính cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia cho đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

c) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định và kiểm tra thông tin dữ liệu về Giấy phép kinh doanh vận tải của đơn vị kinh doanh vận tải trên cơ sở dữ liệu cấp phép hoạt động vận tải, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thực hiện cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN theo Mẫu số 02 Phụ lục VII kèm theo Nghị định này. Trường hợp không cấp, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo bằng văn bản hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia và nêu rõ lý do;

d) Trả kết quả cho đơn vị kinh doanh vận tải bằng các hình thức: Bản điện tử hợp lệ trên VNeID hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia, bản giấy Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN tại Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc được gửi qua dịch vụ bưu chính.".

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 32

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Thành phần hồ sơ

a) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận ASEAN theo Mẫu số 03 Phụ lục VII kèm theo Nghị định này;

b) Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình bản sao hoặc bản sao điện tử của: hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng cho thuê tài chính (đối với trường hợp cho thuê tài chính).".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố.".

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Trình tự, thủ tục

a) Đơn vị kinh doanh vận tải nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận ASEAN đến cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép theo một trong các hình thức sau: trực tiếp, trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia, dịch vụ bưu chính;

b) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoặc qua dịch vụ bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia cho đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

c) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định và kiểm tra thông tin dữ liệu về Giấy chứng nhận đăng ký xe trên Cơ sở dữ liệu về đăng ký phương tiện, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thực hiện cấp Giấy phép liên vận ASEAN theo Mẫu số 04 Phụ lục VII kèm theo Nghị định này. Trường hợp không cấp, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo bằng văn bản hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia và nêu rõ lý do;

d) Trả kết quả cho đơn vị kinh doanh vận tải bằng các hình thức: Bản điện tử hợp lệ trên VNeID hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia, bản giấy Giấy phép liên vận ASEAN tại Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc được gửi qua dịch vụ bưu chính.".

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 34

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 như sau:

"b) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền thực hiện gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới. Cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc gia hạn bằng văn bản hoặc gia hạn trong Giấy phép liên vận ASEAN và trả lại Giấy phép liên vận ASEAN cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp không gia hạn, cơ quan có thẩm quyền trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do;".

2. Bổ sung điểm c vào khoản 4 như sau:

"c) Trả kết quả gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện cho đơn vị kinh doanh vận tải trên VNeID hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia, bản giấy văn bản gia hạn (nếu có) và Giấy phép liên vận ASEAN tại Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc được gửi qua dịch vụ bưu chính.".

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 35

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Thành phần hồ sơ: Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS theo Mẫu số 01 Phụ lục VIII kèm theo Nghị định này.".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố.".

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Trình tự, thủ tục

a) Đơn vị kinh doanh vận tải nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS đến cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép theo một trong các hình thức sau: trực tiếp, trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia, dịch vụ bưu chính;

b) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoặc dịch vụ bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của hồ sơ theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia cho đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

c) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định và kiểm tra thông tin dữ liệu về Giấy phép kinh doanh vận tải của đơn vị kinh doanh vận tải trên cơ sở dữ liệu cấp phép hoạt động vận tải, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thực hiện cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS theo Mẫu số 02 Phụ lục VIII kèm theo Nghị định này. Trường hợp không cấp, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo bằng văn bản hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia và nêu rõ lý do;

d) Trả kết quả cho đơn vị kinh doanh vận tải bằng các hình thức: Bản điện tử hợp lệ trên VNeID hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia, bản giấy Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS tại Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc được gửi qua dịch vụ bưu chính.".

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 37

1. Sửa đổi khoản 2 như sau:

"2. Thành phần hồ sơ

a) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD theo Mẫu số 03 Phụ lục VIII kèm theo Nghị định này;

b) Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình bản sao hoặc bản sao điện tử của: hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng cho thuê tài chính (đối với trường hợp cho thuê tài chính).".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố.".

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Trình tự, thủ tục

a) Đơn vị kinh doanh vận tải nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD đến cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép theo một trong các hình thức sau: trực tiếp, trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia, dịch vụ bưu chính;

b) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoặc dịch vụ bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia cho đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

c) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định và kiểm tra thông tin dữ liệu về Giấy chứng nhận đăng ký xe trên Cơ sở dữ liệu về đăng ký phương tiện, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thực hiện cấp Giấy phép liên vận GMS theo Mẫu số 04 Phụ lục VIII hoặc sổ TAD theo Mẫu số 05 Phụ lục VIII kèm theo Nghị định này. Trường hợp không cấp, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo bằng văn bản hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia và nêu rõ lý do;

d) Trả kết quả cho đơn vị kinh doanh vận tải bằng các hình thức: Bản điện tử hợp lệ trên VNeID hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia, bản giấy Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD tại Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc được gửi qua dịch vụ bưu chính.".

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 39

1. Sửa đổi khoản 1 như sau:

"1. Đối tượng: phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS quá thời gian lưu hành tại Việt Nam quy định tại sổ TAD trong trường hợp bất khả kháng.".

2. Sửa đổi điểm b khoản 3 như sau:

"b) Sổ TAD (bản chính).".

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 như sau:

"b) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền thực hiện gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS. Cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc gia hạn bằng văn bản hoặc trong sổ TAD và trả lại sổ TAD cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp không gia hạn, cơ quan có thẩm quyền trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do;".

4. Bổ sung điểm c vào khoản 4 như sau:

"c) Trả kết quả gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của đơn vị kinh doanh vận tải trên VNeID hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia, bản giấy văn bản gia hạn (nếu có) và sổ TAD tại Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc được gửi qua dịch vụ bưu chính.".

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 40

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Thành phần hồ sơ đối với phương tiện thương mại

a) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại theo Mẫu số 01 Phụ lục IX kèm theo Nghị định này;

b) Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình bản sao hoặc bản sao điện tử của: hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng cho thuê tài chính (đối với trường hợp cho thuê tài chính).".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Thành phần hồ sơ đối với phương tiện phi thương mại

a) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại theo Mẫu số 02 Phụ lục IX kèm theo Nghị định này;

b) Trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải xuất trình bản sao hoặc bản sao điện tử hợp đồng thuê phương tiện;

c) Bản sao hoặc bản sao điện tử của: hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh doanh nghiệp đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh, trên lãnh thổ Lào, Campuchia (đối với doanh nghiệp phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào hoặc Campuchia) kèm bản dịch hợp đồng hoặc tài liệu ra tiếng Việt được chứng thực hoặc chứng nhận bởi cơ quan công chứng đối với trường hợp hợp đồng, tài liệu bằng tiếng nước ngoài.".

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

"5. Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại, phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải đóng trên địa bàn địa phương.".

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

"7. Trình tự, thủ tục

a) Tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải nộp 01 bộ hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép theo một trong các hình thức sau: trực tiếp, trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia, dịch vụ bưu chính;

b) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra. Đối với hồ sơ nộp trực tiếp tại cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoặc dịch vụ bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua Cổng dịch vụ công quốc gia những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi đến tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

c) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định và kiểm tra thông tin dữ liệu về Giấy chứng nhận đăng ký xe trên Cơ sở dữ liệu về đăng ký phương tiện, cơ quan có thẩm quyền thực hiện cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo Mẫu số 03 (đối với phương tiện thương mại) hoặc Mẫu số 04 (đối với phương tiện phi thương mại) Phụ lục IX kèm theo Nghị định này. Trường hợp không cấp, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia và nêu rõ lý do;

d) Trả kết quả cho đơn vị kinh doanh vận tải bằng các hình thức: Bản điện tử hợp lệ trên VNeID hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia, bản giấy Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia tại Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc được gửi qua dịch vụ bưu chính.".

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 42

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 như sau:

"b) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền thực hiện gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện cho phương tiện của Lào, Campuchia. Cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc gia hạn bằng văn bản hoặc gia hạn trong Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia và trả lại Giấy phép liên

vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp không gia hạn, cơ quan có thẩm quyền trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do;".

2. Bổ sung điểm c vào khoản 4 như sau:

"c) Trả kết quả gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện cho tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải trên VNeID hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia, bản giấy văn bản gia hạn (nếu có) và Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia tại Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc được gửi qua dịch vụ bưu chính.".

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 43

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Thành phần hồ sơ đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

a) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo Mẫu số 06 Phụ lục IX kèm theo Nghị định này;

b) Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình bản sao hoặc bản sao điện tử của: hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng cho thuê tài chính (đối với trường hợp cho thuê tài chính);

c) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo Mẫu số 07 Phụ lục IX kèm theo Nghị định này;

d) Bản sao hoặc bản sao điện tử Hợp đồng đối tác giữa đơn vị kinh doanh vận tải Việt Nam với đối tác của Lào và/hoặc Campuchia.".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Trình tự, thủ tục

a) Đơn vị kinh doanh vận tải nộp 01 bộ hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền theo một trong các hình thức sau: trực tiếp, trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia, dịch vụ bưu chính;

b) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ nộp trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính, cán bộ tiếp nhận cập nhật thông tin của hồ sơ theo đúng quy định vào Cổng dịch vụ công quốc gia. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua Cổng dịch vụ công quốc gia cho đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

c) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định và kiểm tra thông tin dữ liệu về Giấy chứng nhận đăng ký xe trên Cơ sở dữ liệu về đăng ký phương tiện, kiểm tra thông tin dữ liệu về Giấy phép kinh doanh vận tải của đơn vị kinh doanh vận tải trên cơ sở dữ liệu cấp phép hoạt động vận tải, cơ quan có thẩm quyền có văn bản thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo Mẫu số 08 Phụ lục IX kèm theo Nghị định này. Trường hợp không cấp, cơ quan có thẩm quyền thông báo bằng văn bản hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia và nêu rõ lý do;

d) Trả kết quả cho đơn vị kinh doanh vận tải bằng các hình thức: Bản điện tử hợp lệ trên VNeID hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia, bản giấy văn bản thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia tại Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc được gửi qua dịch vụ bưu chính.".

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 45

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Thành phần hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại giấy phép đối với phương tiện thương mại gồm:

a) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị cấp, cấp lại giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc theo Mẫu số 01 Phụ lục X kèm theo Nghị định này;

b) Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình bản sao hoặc bản sao điện tử của: hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng cho thuê tài chính (đối với trường hợp cho thuê tài chính).".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Thành phần hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại giấy phép đối với xe công vụ gồm:

a) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị cấp, cấp lại giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc theo Mẫu số 02 Phụ lục X kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao hoặc bản sao điện tử của văn bản mời của đối tác phía Trung Quốc nêu rõ tuyến đường, cửa khẩu và thời gian mời (trường hợp bản gốc không có tiếng Việt thì phải kèm theo bản dịch tiếng Việt);

c) Bản sao hoặc bản sao điện tử của quyết định cử đi công tác của cấp có thẩm quyền.".

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Xây dựng các tỉnh: Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Tuyên Quang, Lào Cai, Lai Châu căn cứ theo tuyến đường vận chuyển và các cặp cửa khẩu thuộc địa phận quản lý cấp: Giấy phép vận tải loại A, B, C, E, F, G thời hạn cấp giấy phép được tính từ ngày đề nghị cấp giấy phép đến ngày 31 tháng 12 của năm cấp giấy phép; riêng Giấy phép vận tải loại B và loại F cấp cho xe công vụ thì thời hạn cấp giấy phép theo đề nghị của tổ chức đề nghị cấp giấy phép nhưng tối đa đến ngày 31 tháng 12 của năm cấp giấy phép.".

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

"5. Trình tự, thủ tục cấp Giấy phép vận tải loại A, E; Giấy phép vận tải loại B, C, F, G lần đầu trong năm

a) Tổ chức, đơn vị kinh doanh vận tải nộp 01 bộ hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép theo một trong các hình thức sau: trực tiếp, trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia, dịch vụ bưu chính;

b) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoặc dịch vụ bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua Cổng dịch vụ công quốc gia những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi đến tổ chức, đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

c) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định và kiểm tra thông tin dữ liệu về Giấy chứng nhận đăng ký xe trên Cơ sở dữ liệu về đăng ký phương tiện, kiểm tra thông tin dữ liệu về Giấy phép kinh doanh vận tải của đơn vị kinh doanh vận tải trên cơ sở dữ liệu cấp phép hoạt động vận tải, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thực hiện cấp giấy phép theo các Mẫu số 03, 04, 05, 07, 08 và 09 Phụ lục X kèm theo Nghị định này. Trường hợp không cấp, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo bằng văn bản hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia đến tổ chức, đơn vị kinh doanh vận tải và nêu rõ lý do;

d) Trả kết quả cho tổ chức, đơn vị kinh doanh vận tải bằng các hình thức: Bản điện tử hợp lệ trên VNeID hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia, bản giấy Giấy phép vận tải tại Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc cơ quan cấp phép hoặc được gửi qua dịch vụ bưu chính.".

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

"6. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép vận tải loại B, C, F, G lần thứ hai trở đi trong năm

a) Người lái xe hoặc nhân viên của đơn vị kinh doanh vận tải đã được cấp Giấy phép vận tải loại B, C, F, G xuất trình Giấy phép vận tải đã sử dụng cho Sở Xây dựng các tỉnh nêu tại khoản 4 Điều này để được cấp Giấy phép vận tải loại B, C, F, G lần thứ hai trở đi trong năm;

b) Sở Xây dựng các tỉnh nêu tại khoản 4 Điều này thực hiện cấp Giấy phép vận tải loại B, C, F, G lần thứ hai trở đi trong năm.".

Điều 21. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 46

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Thành phần hồ sơ đề nghị giới thiệu

a) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị giới thiệu cấp Giấy phép vận tải loại D theo Mẫu số 10 Phụ lục X kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao hoặc bản sao điện tử của Giấy phép vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng hoặc hàng nguy hiểm do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp.".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Cơ quan giới thiệu: Sở Xây dựng các tỉnh: Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Tuyên Quang, Lào Cai, Lai Châu căn cứ theo tuyến đường vận chuyển và các cặp cửa khẩu thuộc địa phận quản lý giới thiệu đơn vị kinh doanh vận tải Việt Nam với cơ quan có thẩm quyền phía Trung Quốc.".

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Trình tự, thủ tục

a) Đơn vị kinh doanh vận tải nộp 01 bộ hồ sơ cho cơ quan giới thiệu theo một trong các hình thức sau: trực tiếp, trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia, dịch vụ bưu chính;

b) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại cơ quan giới thiệu hoặc dịch vụ bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan giới thiệu thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua Cổng dịch vụ công quốc gia những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

c) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định và kiểm tra thông tin dữ liệu về Giấy chứng nhận đăng ký xe trên Cơ sở dữ liệu về đăng ký phương tiện, Sở Xây dựng các tỉnh: Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Tuyên Quang, Lào Cai, Lai Châu có văn bản giới thiệu đơn vị kinh doanh vận tải với cơ quan có thẩm quyền phía Trung Quốc. Trường hợp không giới thiệu, cơ quan giới thiệu thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia và nêu rõ lý do;

d) Trả kết quả cho đơn vị kinh doanh vận tải bằng các hình thức: Bản điện tử hợp lệ trên VNeID hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia, bản giấy văn bản giới thiệu đơn vị kinh doanh vận tải với cơ quan có thẩm quyền phía Trung Quốc tại Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc được gửi qua dịch vụ bưu chính.".

Điều 22. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 47

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Thành phần hồ sơ

a) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị cấp Giấy phép vận tải loại D theo Mẫu số 11 Phụ lục X kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao hoặc bản sao điện tử của Giấy Giới thiệu của cơ quan có thẩm quyền của phía Trung Quốc (bản sao kèm bản dịch có chứng thực các giấy tờ, văn bản từ tiếng Trung sang tiếng Việt đối với trường hợp bản gốc không có song ngữ tiếng Việt và tiếng Trung);

c) Bản sao hoặc bản sao điện tử của Giấy phép vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng hoặc hàng nguy hiểm do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp;

d) Bản sao hoặc bản sao điện tử của Giấy phép vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng hoặc hàng nguy hiểm do cơ quan có thẩm quyền của Trung Quốc cấp (bản sao có chứng thực kèm bản dịch có chứng thực các giấy tờ, văn bản từ tiếng Trung sang tiếng Việt với trường hợp bản gốc không có song ngữ tiếng Việt và tiếng Trung);

đ) Bản sao hoặc bản sao điện tử của Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (bản sao có chứng thực kèm bản dịch có chứng thực các giấy tờ, văn bản từ tiếng Trung sang tiếng Việt đối với trường hợp bản gốc không có song ngữ tiếng Việt và tiếng Trung).".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Xây dựng các tỉnh: Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Tuyên Quang, Lào Cai, Lai Châu căn cứ theo tuyến đường vận chuyển và các cặp cửa khẩu thuộc địa phận quản lý cấp Giấy phép vận tải loại D cho phương tiện vận tải Trung Quốc.".

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Trình tự, thủ tục

a) Tổ chức, đơn vị kinh doanh vận tải nộp 01 bộ hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép theo một trong các hình thức sau: trực tiếp, trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia, dịch vụ bưu chính;

b) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoặc dịch vụ bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua Cổng dịch vụ công quốc gia những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi đến tổ chức, đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

c) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền thực hiện cấp Giấy phép vận tải loại D theo Mẫu số 06 Phụ lục X kèm theo Nghị định này. Trường hợp không cấp, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia và nêu rõ lý do;

d) Trả kết quả cho tổ chức, đơn vị kinh doanh vận tải bằng các hình thức: Bản điện tử hợp lệ trên VNeID hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia, bản giấy Giấy phép vận tải tại Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc cơ quan cấp phép hoặc được gửi qua dịch vụ bưu chính.".

Điều 23. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 49

1. Sửa đổi điểm b khoản 4 như sau:

"b) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền thực hiện gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện cho phương tiện của Trung Quốc. Cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc gia hạn bằng văn bản và trả lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc cho tổ chức, đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp không gia hạn, cơ quan có thẩm quyền trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do;".

2. Bổ sung điểm c vào khoản 4 như sau:

"c) Trả kết quả cho đơn vị kinh doanh vận tải bằng các hình thức: Bản điện tử hợp lệ trên VNeID hoặc Hệ thống công nghệ thông tin tập trung của Bộ Xây dựng. Bản giấy văn bản gia hạn (nếu có) và Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc tại Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc được gửi qua dịch vụ bưu chính.".

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 50

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Thành phần hồ sơ đề nghị đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc

a) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc theo Mẫu số 13 Phụ lục X kèm theo Nghị định này;

b) Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì xuất trình bản sao hoặc bản sao điện tử của: hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng cho thuê tài chính (đối với trường hợp cho thuê tài chính);

c) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc theo Mẫu số 14 Phụ lục X kèm theo Nghị định này.".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Cơ quan quản lý tuyến

a) Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố có tuyến vào sâu trong lãnh thổ của hai nước thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc đối với các tuyến vào sâu trong lãnh thổ của hai nước;

b) Sở Xây dựng các tỉnh: Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Tuyên Quang, Lào Cai, Lai Châu thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc đối với các tuyến giữa khu vực biên giới của hai nước thuộc địa phận quản lý.".

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Trình tự, thủ tục đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc

a) Đơn vị kinh doanh vận tải nộp 01 bộ hồ sơ theo một trong các hình thức sau: trực tiếp, trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia, dịch vụ bưu chính;

b) Cơ quan quản lý tuyến tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoặc dịch vụ bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan quản lý tuyến thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua Cổng dịch vụ công quốc gia những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

c) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định và kiểm tra thông tin dữ liệu về Giấy chứng nhận đăng ký xe trên Cơ sở dữ liệu về đăng ký phương tiện, kiểm tra thông tin dữ liệu về Giấy phép kinh doanh vận tải của đơn vị kinh doanh vận tải trên cơ sở dữ liệu cấp phép hoạt động vận tải, cơ quan quản lý tuyến có văn bản thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc theo Mẫu số 15 Phụ lục X kèm theo Nghị định này. Trường hợp không cấp, cơ quan quản lý tuyến thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia và nêu rõ lý do;

d) Trả kết quả cho đơn vị kinh doanh vận tải bằng các hình thức: Bản điện tử hợp lệ trên VNeID hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia, bản giấy văn bản thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc tại Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc được gửi qua dịch vụ bưu chính.".

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 51

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Thành phần hồ sơ

a) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào theo Mẫu số 01 Phụ lục XI kèm theo Nghị định này;

b) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Phương án kinh doanh vận tải theo Mẫu số 02 Phụ lục XI kèm theo Nghị định này.".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Trình tự, thủ tục

a) Đơn vị kinh doanh vận tải nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào đến cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép theo một trong các hình thức sau: trực tiếp, trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia, dịch vụ bưu chính;

b) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoặc dịch vụ bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua Cổng dịch vụ công quốc gia những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

c) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định và kiểm tra thông tin dữ liệu về Giấy phép kinh doanh vận tải của đơn vị kinh doanh vận tải trên cơ sở dữ liệu cấp phép hoạt động vận tải, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thực hiện cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào theo Mẫu số 03 Phụ lục XI kèm theo Nghị định này. Trường hợp không cấp, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia và nêu rõ lý do;

d) Trả kết quả cho đơn vị kinh doanh vận tải bằng các hình thức: Bản điện tử hợp lệ trên VNeID hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia, bản giấy Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào tại Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc được gửi qua dịch vụ bưu chính.".

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 53

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Thành phần hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại giấy phép đối với phương tiện thương mại gồm:

a) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị cấp, cấp lại giấy phép theo Mẫu số 04 Phụ lục XI kèm theo Nghị định này;

b) Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì xuất trình bản sao hoặc bản sao điện tử của: hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng cho thuê tài chính (đối với trường hợp cho thuê tài chính).".

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 như sau:

"b) Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của tổ chức, cá nhân phải xuất trình bản sao hoặc bản sao điện tử hợp đồng thuê phương tiện;".

3. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 như sau:

"c) Bản sao hoặc bản sao điện tử Quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền (đối với trường hợp xe công vụ và xe của các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế đi công tác);".

4. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 như sau:

"d) Bản sao hoặc bản sao điện tử của: hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh tổ chức, đơn vị đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào (đối với tổ chức, đơn vị phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào) kèm bản dịch hợp đồng hoặc tài liệu ra tiếng Việt được chứng thực hoặc chứng nhận bởi cơ quan công chứng đối với trường hợp hợp đồng, tài liệu bằng tiếng nước ngoài.".

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

"5. Trình tự, thủ tục

a) Tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào đến cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép theo một trong các hình thức sau: trực tiếp, trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia, dịch vụ bưu chính;

b) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoặc dịch vụ bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc

bằng văn bản hoặc thông báo qua Cổng dịch vụ công quốc gia những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi đến tổ chức, đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

c) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định và kiểm tra thông tin dữ liệu về Giấy chứng nhận đăng ký xe trên Cơ sở dữ liệu về đăng ký phương tiện, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thực hiện cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào theo Mẫu số 06 Phụ lục XI kèm theo Nghị định này. Trường hợp không cấp, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo bằng văn bản hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia và nêu rõ lý do;

d) Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải bằng các hình thức: Bản điện tử hợp lệ trên VNeID hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia, bản giấy Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào tại Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc được gửi qua dịch vụ bưu chính.".

Điều 27. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 55

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 như sau:

"b) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền thực hiện gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào. Cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc gia hạn bằng văn bản hoặc gia hạn trong Giấy phép liên vận giữa Lào và Việt Nam và trả lại Giấy phép liên vận giữa Lào và Việt Nam cho tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp không gia hạn, cơ quan có thẩm quyền trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do;".

2. Bổ sung điểm c vào khoản 4 như sau:

"c) Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải bằng các hình thức: Bản điện tử hợp lệ trên VNeID hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia, bản giấy văn bản gia hạn (nếu có) và Giấy phép liên vận giữa Lào và Việt Nam tại Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc được gửi qua dịch vụ bưu chính.".

Điều 28. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 56

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Thành phần hồ sơ đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào

a) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào theo Mẫu số 08 Phụ lục XI kèm theo Nghị định này;

b) Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì xuất trình bản sao hoặc bản sao điện tử của: hợp đồng thuê

phương tiện với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng cho thuê tài chính (đối với trường hợp cho thuê tài chính);

c) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào theo Mẫu số 09 Phụ lục V kèm theo Nghị định này.".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Cơ quan có thẩm quyền quản lý tuyến: Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố.".

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Trình tự, thủ tục

a) Đơn vị kinh doanh vận tải nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào đến cơ quan quản lý tuyến theo một trong các hình thức sau: trực tiếp, trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia, dịch vụ bưu chính;

b) Cơ quan quản lý tuyến tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoặc dịch vụ bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan quản lý tuyến thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua Cổng dịch vụ công quốc gia những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

c) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định và kiểm tra thông tin dữ liệu về Giấy chứng nhận đăng ký xe trên Cơ sở dữ liệu về đăng ký phương tiện, cơ quan có thẩm quyền có văn bản thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào theo Mẫu số 10 Phụ lục XI kèm theo Nghị định này. Trường hợp không cấp, cơ quan có thẩm quyền thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia và nêu rõ lý do;

d) Trả kết quả cho đơn vị kinh doanh vận tải bằng các hình thức: Bản điện tử hợp lệ trên VNeID hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia, bản giấy văn bản thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào tại Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc được gửi qua dịch vụ bưu chính.".

Điều 29. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 57

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Thành phần hồ sơ

a) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia theo Mẫu số 01 Phụ lục XII kèm theo Nghị định này;

b) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Phương án kinh doanh vận tải theo Mẫu số 02 Phụ lục XII kèm theo Nghị định này.".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố.".

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Trình tự, thủ tục

a) Đơn vị kinh doanh vận tải nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia đến cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép theo một trong các hình thức sau: trực tiếp, trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia, dịch vụ bưu chính;

b) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoặc dịch vụ bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua Cổng dịch vụ công quốc gia những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

c) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định và kiểm tra thông tin dữ liệu về Giấy phép kinh doanh vận tải của đơn vị kinh doanh vận tải trên cơ sở dữ liệu cấp phép hoạt động vận tải, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thực hiện cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia theo Mẫu số 03 Phụ lục XII kèm theo Nghị định này. Trường hợp không cấp, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia và nêu rõ lý do;

d) Trả kết quả cho đơn vị kinh doanh vận tải bằng các hình thức: Bản điện tử hợp lệ trên VNeID hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia, bản giấy Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia tại Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc được gửi qua dịch vụ bưu chính.".

Điều 30. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 59

1. Sửa đổi khoản 2 như sau:

"2. Thành phần hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại giấy phép đối với phương tiện thương mại

a) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị cấp, cấp lại giấy phép theo Mẫu số 04 Phụ lục XII kèm theo Nghị định này;

b) Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì xuất trình bản sao hoặc bản sao điện tử của: hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng cho thuê tài chính (đối với trường hợp cho thuê tài chính).".

2. Sửa đổi khoản 3 như sau:

"3. Thành phần hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại giấy phép đối với phương tiện phi thương mại gồm:

a) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị cấp, cấp lại giấy phép theo Mẫu số 05 Phụ lục XII kèm theo Nghị định này;

b) Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của tổ chức, cá nhân phải xuất trình thêm bản sao hoặc bản sao điện tử của hợp đồng thuê phương tiện;

c) Bản sao hoặc bản sao điện tử của quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền đối với xe công vụ.".

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

"5. Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố cấp giấy phép liên vận cho phương tiện thương mại của các đơn vị kinh doanh vận tải, phương tiện phi thương mại của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn địa phương.".

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

"7. Trình tự, thủ tục

a) Tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia đến cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép theo một trong các hình thức sau: trực tiếp, trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia, dịch vụ bưu chính;

b) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoặc dịch vụ bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua Cổng dịch vụ công quốc gia những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi đến tổ chức, đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

c) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định và kiểm tra thông tin dữ liệu về Giấy chứng nhận đăng ký xe trên Cơ

sở dữ liệu về đăng ký phương tiện, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thực hiện cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia theo Mẫu số 06 (đối với phương tiện thương mại) và Mẫu số 07 (đối với phương tiện phi thương mại) Phụ lục XII kèm theo Nghị định này. Trường hợp không cấp, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo bằng văn bản hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia và nêu rõ lý do;

d) Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải bằng các hình thức: Bản điện tử hợp lệ trên VNeID hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia, bản giấy Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia tại Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc được gửi qua dịch vụ bưu chính.".

Điều 31. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 61

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 như sau:

"b) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền thực hiện gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của Campuchia. Cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc gia hạn bằng văn bản hoặc gia hạn trong Giấy phép liên vận giữa Campuchia và Việt Nam và trả lại Giấy phép liên vận giữa Campuchia và Việt Nam cho tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp không gia hạn, cơ quan có thẩm quyền trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do;".

2. Bổ sung điểm c vào khoản 4 như sau:

"c) Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải bằng các hình thức: Bản điện tử hợp lệ trên VNeID hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia, bản giấy văn bản gia hạn (nếu có) và Giấy phép liên vận giữa Campuchia và Việt Nam tại Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc được gửi qua dịch vụ bưu chính.".

Điều 32. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 62

1. Sửa đổi khoản 2 như sau:

"2. Hồ sơ đề nghị đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia

a) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định bằng xe ô tô giữa Việt Nam và Campuchia theo Mẫu số 09 Phụ lục XII kèm theo Nghị định này;

b) Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình bản sao hoặc bản sao điện tử của: hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng cho thuê tài chính (đối với trường hợp cho thuê tài chính);

c) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định bằng xe ô tô giữa Việt Nam và Campuchia theo Mẫu số 10 Phụ lục XII kèm theo Nghị định này.".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Cơ quan quản lý tuyến: Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố.".

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Trình tự, thủ tục đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia

a) Đơn vị kinh doanh vận tải nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia đến cơ quan quản lý tuyến theo một trong các hình thức sau: trực tiếp, trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia, dịch vụ bưu chính;

b) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại cơ quan quản lý tuyến hoặc dịch vụ bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua Cổng dịch vụ công quốc gia những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi đến tổ chức, đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

c) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định và kiểm tra thông tin dữ liệu về Giấy chứng nhận đăng ký xe trên Cơ sở dữ liệu về đăng ký phương tiện, cơ quan quản lý tuyến thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia theo Mẫu số 11 Phụ lục XII kèm theo Nghị định này. Trường hợp không chấp thuận, cơ quan quản lý tuyến thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia và nêu rõ lý do;

d) Trả kết quả cho đơn vị kinh doanh vận tải bằng các hình thức: Bản điện tử hợp lệ trên VNeID hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia, bản giấy thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia tại Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc được gửi qua dịch vụ bưu chính.".

Điều 33. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 63

"2. Sở Xây dựng

a) Quản lý, tổ chức thực hiện việc in ấn Ký hiệu phân biệt quốc gia và các loại giấy phép do Sở Xây dựng cấp phép theo mẫu quy định tại Phụ lục VII, Phụ lục VIII, Phụ lục IX, Phụ lục X, Phụ lục XI và Phụ lục XII kèm theo Nghị định này;

b) Sở Xây dựng các tỉnh: Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Tuyên Quang, Lào Cai, Lai Châu thực hiện việc trao đổi, tiếp nhận các loại giấy phép vận tải với phía Trung Quốc.".

Điều 34. Bổ sung một số khoản của Điều 64

1. Bổ sung khoản 7 vào Điều 64 như sau:

"7. Xây dựng, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin tập trung phục vụ giải quyết các thủ tục hành chính được quy định tại Nghị định này; xây dựng và ban hành quy trình điện tử cấp Giấy phép vận tải quốc tế, Giấy phép liên vận đối với các loại giấy phép có hạn ngạch phương tiện, bảo đảm nguyên tắc đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đăng ký cấp Giấy phép vận tải quốc tế, Giấy phép liên vận (hợp lệ theo quy định) trên Cổng dịch vụ công quốc gia trước thì được làm thủ tục để cấp phép trước (khi còn hạn ngạch phương tiện). Trường hợp hết hạn ngạch phương tiện (hạn ngạch phương tiện quy định tại các điều ước quốc tế về vận tải đường bộ mà Việt Nam đã ký kết) thì chuyển sang trạng thái chờ cấp phép.".

2. Bổ sung khoản 8 vào Điều 64 như sau:

"8. Kết nối, chia sẻ dữ liệu hoạt động vận tải đường bộ tới Bộ Công an để phối hợp quản lý.".

Điều 35. Sửa đổi khoản 2 Điều 73

"2. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có tuyến xe buýt đi qua để thống nhất thực hiện các nhiệm vụ nêu tại khoản 3 Điều 5 của Nghị định này. Thống nhất với Cảng vụ hàng không trước khi mở tuyến xe buýt có điểm đầu hoặc điểm cuối nằm trong khu vực cảng hàng không.".

Điều 36. Sửa đổi điểm c khoản 3 Điều 74

"c) Phối hợp với Sở Xây dựng để thực hiện tổ chức tập huấn nghiệp vụ vận tải cho người lái xe kinh doanh vận tải theo quy định tại Điều 12 Nghị định này. Đối với nhân viên phục vụ trên xe (nếu có), đơn vị kinh doanh vận tải tự xây dựng chương trình và tập huấn theo yêu cầu kinh doanh của đơn vị. Cấp thẻ nhận dạng lái xe cho lái xe của đơn vị theo quy định;".

Điều 37. Sửa đổi nội dung phần "Hướng dẫn:" tại Phụ lục II kèm theo Nghị định số 158/2024/NĐ-CP như sau:

"**Hướng dẫn:** Kích thước, kiểu chữ, cỡ chữ và màu sắc:

- Giấy phép kinh doanh vận tải được in trên khổ giấy A4, nền màu hồng có vân hoa.

- Kiểu chữ, cỡ chữ và màu chữ:

+ Dòng "GIẤY PHÉP" và dòng "KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ, XE BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ" in phông chữ Times New Roman, chữ in hoa, cỡ chữ từ 14 - 18, màu đỏ đậm;

+ Các dòng chữ khác in phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 14 - 16, màu xanh đen.

- Các loại hình ghi trên Giấy phép: kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hoá bằng xe ô tô.".

Điều 38. Thay thế, bãi bỏ một số quy định, phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 158/2024/NĐ-CP

1. Thay thế cụm từ "Bộ Giao thông vận tải" bằng cụm từ "Bộ Xây dựng" tại: phần căn cứ; điểm b khoản 3 Điều 4; khoản 1, điểm b và điểm c khoản 2, điểm a và điểm c khoản 4, khoản 5, điểm c khoản 8, Điều 22; tên Điều 64; khoản 2 Điều 65; khoản 2 Điều 67; khoản 1 và khoản 2 Điều 69; khoản 2 và khoản 3 Điều 70; điểm k khoản 1 và khoản 2 Điều 73; Phụ lục III, Phụ lục V, Mẫu số 02 và Mẫu số 04 Phụ lục VII, Mẫu số 03 và Mẫu số 04 Phụ lục IX; Mẫu số 06, Mẫu số 10, Mẫu số 12 và Mẫu số 13 Phụ lục XI, Mẫu số 03, Mẫu số 06, Mẫu số 07 và Mẫu số 14 Phụ lục XII kèm theo Nghị định số 158/2024/NĐ-CP.

2. Thay thế cụm từ "Cục Đường bộ Việt Nam" tại Mẫu số 08 và Mẫu số 14 Phụ lục XI, Mẫu số 13 Phụ lục XII kèm theo Nghị định số 158/2024/NĐ-CP bằng cụm từ "Sở Xây dựng".

3. Thay thế cụm từ "Sở Giao thông vận tải" bằng cụm từ "Sở Xây dựng" tại: khoản 3, khoản 6 Điều 4; khoản 3 Điều 5; khoản 7 Điều 6; khoản 10 Điều 7; điểm c khoản 5, điểm b khoản 6, khoản 8 Điều 12; khoản 2 Điều 19; điểm a khoản 1, điểm a khoản 3, điểm b và d khoản 7, khoản 8 Điều 21; khoản 2, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 8 Điều 22; điểm b khoản 2, khoản 6, khoản 9, khoản 11, khoản 12 Điều 23; khoản 2 Điều 34; khoản 2 Điều 39; khoản 5, khoản 6 Điều 40; khoản 2 Điều 42; khoản 3 Điều 43; điểm b khoản 4, điểm c khoản 5, khoản 6 Điều 45; khoản 3, điểm b khoản 4 Điều 46; khoản 3 Điều 47; khoản 2 Điều 49; điểm b khoản 3 Điều 50; khoản 3 Điều 51; khoản 4 Điều 53; khoản 2 Điều 55; khoản 5, khoản 6 Điều 59; khoản 2 Điều 61; khoản 2 Điều 65, khoản 8 Điều 76; Phụ lục I; Phụ lục III; Phụ lục IV; Phụ lục V; Mẫu số 05 Phụ lục VIII; Mẫu số 08 và Mẫu số 11 Phụ lục IX; Mẫu số 03 và Mẫu số 07 Phụ lục XI; Mẫu số 08 Phụ lục XII; Mẫu số 04 Phụ lục XIII kèm theo Nghị định số 158/2024/NĐ-CP.

4. Thay thế một số mẫu, phụ lục kèm theo Nghị định số 158/2024/NĐ-CP:

a) Thay thế Phụ lục I kèm theo Nghị định số 158/2024/NĐ-CP bằng Phụ lục I kèm theo Nghị định này;

b) Thay thế các Mẫu số 01, Mẫu số 02, Mẫu số 03 và Mẫu số 05 Phụ lục VII kèm theo Nghị định số 158/2024/NĐ-CP bằng các Mẫu số 01, Mẫu số 02, Mẫu số 03 và Mẫu số 05 Phụ lục II kèm theo Nghị định này;

c) Thay thế các Mẫu số 01, Mẫu số 02, Mẫu số 03 và Mẫu số 06 Phụ lục VIII kèm theo Nghị định số 158/2024/NĐ-CP bằng các Mẫu số 01, Mẫu số 02, Mẫu số 03 và Mẫu số 06 Phụ lục III kèm theo Nghị định này;

d) Thay thế các Mẫu số 01, Mẫu số 02, Mẫu số 05, Mẫu số 06, Mẫu số 10, Mẫu số 12 và Mẫu số 13 Phụ lục IX kèm theo Nghị định số 158/2024/NĐ-CP bằng các Mẫu số 01, Mẫu số 02, Mẫu số 05, Mẫu số 06, Mẫu số 10, Mẫu số 12 và Mẫu số 13 Phụ lục IV kèm theo Nghị định này;

đ) Thay thế các Mẫu số 01, Mẫu số 02, Mẫu số 10, Mẫu số 11, Mẫu số 12, Mẫu số 13, Mẫu số 14, Mẫu số 15 và Mẫu số 16 Phụ lục X kèm theo Nghị định số 158/2024/NĐ-CP bằng các Mẫu số 01, Mẫu số 02, Mẫu số 10, Mẫu số 11, Mẫu số 12, Mẫu số 13, Mẫu số 14, Mẫu số 15 và Mẫu số 16 Phụ lục V kèm theo Nghị định này;

e) Thay thế các Mẫu số 01, Mẫu số 04, Mẫu số 05, Mẫu số 07, Mẫu số 08, Mẫu số 09, Mẫu số 10, Mẫu số 12, Mẫu số 13, Mẫu số 14 và Mẫu số 15 Phụ lục XI kèm theo Nghị định số 158/2024/NĐ-CP bằng các Mẫu số 01, Mẫu số 04, Mẫu số 05, Mẫu số 07, Mẫu số 08, Mẫu số 09, Mẫu số 10, Mẫu số 12, Mẫu số 13, Mẫu số 14 và Mẫu số 15 Phụ lục VI kèm theo Nghị định này;

g) Thay thế các Mẫu số 01, Mẫu số 03, Mẫu số 04, Mẫu số 05, Mẫu số 08, Mẫu số 09, Mẫu số 10, Mẫu số 11, Mẫu số 13, Mẫu số 14, Mẫu số 15 và Mẫu số 16 Phụ lục XII kèm theo Nghị định số 158/2024/NĐ-CP bằng các Mẫu số 01, Mẫu số 03, Mẫu số 04, Mẫu số 05, Mẫu số 08, Mẫu số 09, Mẫu số 10, Mẫu số 11, Mẫu số 13, Mẫu số 14, Mẫu số 15 và Mẫu số 16 Phụ lục VII kèm theo Nghị định này.

5. Thay thế cụm từ "Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan" tại khoản 2 Điều 65 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP bằng cụm từ "Cục Thuế, Cục Hải quan".

6. Thay thế cụm từ "Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội" tại tên Điều 69 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP bằng cụm từ "Bộ Nội vụ".

7. Thay thế cụm từ "Bộ Kế hoạch và Đầu tư" tại khoản 5 Điều 64 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP bằng cụm từ "Bộ Tài chính".

8. Bãi bỏ các điều, khoản, điểm, cụm từ sau của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP: khoản 8 Điều 12; khoản 2 Điều 13; khoản 2 Điều 14; khoản 2 Điều 16; cụm từ "Thanh tra đường bộ" tại khoản 3 Điều 17; khoản 3 Điều 20; khoản 3 Điều 21; khoản 4 Điều 40; khoản 7 Điều 43; khoản 7 Điều 56; khoản 4 Điều 59; khoản 7 Điều 62; khoản 1 Điều 63; cụm từ "Bộ Thông tin và Truyền thông" tại khoản 2 Điều 67; Điều 68; Điều 72; điểm d khoản 1 Điều 73; Mẫu số 9 Phụ lục IX, Mẫu số 11 Phụ lục XI, Mẫu số 12 Phụ lục XII; cụm từ "*Ghi chú: Sở Giao thông vận tải đóng dấu treo vào mặt sau của Phù hiệu, biển hiệu do đơn vị mình cấp" tại Mẫu số 04 Phụ lục XIII; cụm từ "vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ" tại Mẫu số 02 Phụ lục XI và tại Mẫu số 02 Phụ lục XII.

Điều 39. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 8 năm 2026.

2. Bãi bỏ Điều 31, điểm c khoản 1 Điều 46 và Mẫu số 15 Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 144/2025/NĐ-CP.

3. Bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Nghị định này.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao tại Nghị định này; chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao tại Nghị định này; thực hiện việc kiểm tra, giám sát đối với nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã.

5. Điều khoản chuyển tiếp

a) Văn bản, giấy tờ đã được cơ quan, chức danh có thẩm quyền ban hành, cấp trước khi phân quyền, phân cấp, chuyển thẩm quyền mà chưa hết hiệu lực hoặc chưa hết thời hạn sử dụng thì tiếp tục được áp dụng, sử dụng theo quy định của pháp luật cho đến khi hết thời hạn hoặc được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ, thu hồi bởi cơ quan, chức danh tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn hoặc cơ quan, người có thẩm quyền;

b) Các hồ sơ thủ tục hành chính đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì cơ quan có thẩm quyền đã tiếp nhận hồ sơ tiếp tục thực hiện theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ; trường hợp hồ sơ phải trả lại, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ và gửi cơ quan có thẩm quyền giải quyết sau ngày Nghị định này có hiệu lực, thì thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định này;

c) Đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng có sức chứa từ 08 chỗ trở xuống (không kể chỗ của người lái xe) thực hiện theo quy định về niên hạn theo quy định tại khoản 6 Điều 13 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP đã được cấp phù hiệu còn giá trị sử dụng thì được tiếp tục sử dụng cho đến khi hết giá trị sử dụng ghi trên phù hiệu hoặc bị thu hồi;

d) Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ do đơn vị kinh doanh vận tải, Hiệp hội vận tải ô tô Việt Nam, hiệp hội vận tải ô tô địa phương, cơ sở đào tạo người lái xe ô tô, trường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức của bộ, cơ quan ngang bộ, các trường đào tạo từ trung cấp trở lên (các trường có chuyên ngành vận tải) đã cấp cho lái xe kinh doanh vận tải trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được sử dụng đến khi hết giá trị của Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ./.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Phạm Gia Túc

Phụ lục I
MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI)
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ
(Kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ)

TÊN ĐƠN VỊ KDVT: .....

Số: ..... /.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI)
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI
BẰNG XE Ô TÔ, BẰNG XE BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ

Kính gửi: Sở Xây dựng.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải: .....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có): .....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):.....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) bao gồm: ..... (số, ngày, tháng, năm, cơ quan cấp); Mã số thuế: .....; Mã số doanh nghiệp (hoặc mã số đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp hoặc mã số hợp tác xã hoặc mã số liên hiệp hợp tác xã hoặc mã số tổ hợp tác hoặc mã số hộ kinh doanh): .....
6. Người điều hành hoạt động vận tải: (họ tên, số định danh cá nhân; trình độ chuyên môn về vận tải hoặc kinh nghiệm làm việc tại đơn vị kinh doanh vận tải hoặc là chủ hộ kinh doanh vận tải của đơn vị kinh doanh vận tải hoặc là người đại diện pháp luật của đơn vị kinh doanh vận tải).
7. Người đại diện theo pháp luật: .....
8. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:

.....

9. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ (áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình: Tuyến cố định, xe buýt, xe taxi): Theo tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải do … (tên đơn vị kinh doanh vận tải) đã công bố.
10. Màu sơn đặc trưng của xe buýt:……(áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình vận tải hành khách bằng xe buýt).

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị. .....

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:
- Trường hợp nộp trực tuyến, thực hiện kê khai thông tin theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Xây dựng.
- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).

Phụ lục II

CÁC BIỂU MẪU LIÊN QUAN ĐẾN CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ ASEAN VÀ GIẤY PHÉP LIÊN VẬN ASEAN

(Kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN
Mẫu số 02	Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN
Mẫu số 03	Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận ASEAN
Mẫu số 05	Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam

Mẫu số 01

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:…… **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ ASEAN

Kính gửi: Sở Xây dựng.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải: .....

2. Địa chỉ:.....
.....

3. Số điện thoại: ..... Số Fax/Địa chỉ email: .....

4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số: .....Ngày cấp: .....

5. Đề nghị .....(cấp/cấp lại*) Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN như sau:

Loại hình hoạt động (ghi rõ một hoặc một số loại hình đề nghị cấp, gồm: vận tải hành khách cố định; vận tải hành khách theo hợp đồng; vận tải hàng hóa bằng xe ô tô):

.....

.....

.....

.....

6. Lý do đề nghị cấp lại: .....

7. Nhận kết quả bằng hình thức:

- Bản kết quả điện tử hợp lệ □
- Bản kết quả giấy □

....., ngày ... tháng ... năm ...
ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI
(Ký tên, đóng dấu)

**** Chú ý:***

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).
- Nếu đề nghị cấp lại cần ghi rõ lý do.
- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu số 02

ỦY BAN NHÂN DÂN ...
PEOPLE'S COMMITTEE OF ...
SỞ XÂY DỰNG …
DEPARTMENT OF CONSTRUCTION …

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ ASEAN
ASEAN CROSS-BORDER TRANSPORT PERMIT
Số Giấy phép (Permit No.):.....

1. Cấp cho đơn vị kinh doanh vận tải (Transport Operator Name): .....
2. Địa chỉ (Address): .....

.....

3. Số điện thoại (Telephone number): .....
4. Loại hình hoạt động vận tải (Type of transport operation): .....

.....

……, ngày... tháng... năm ...
……, ... (dd/mm/yyyy)
CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP
Issuing Authority
(Ký tên, đóng dấu)
(Signature & Official Stamp)

**** Chú ý:*** Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu số 03

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:…… **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN ASEAN

Kính gửi: Sở Xây dựng .....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải: .....
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại: ..... Số Fax/Địa chỉ email: .....
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN số: .....Ngày cấp: .....
5. Đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận ASEAN cho phương tiện theo danh sách dưới đây:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1										
2										
3										
...										

6. Nhận kết quả bằng hình thức:

- Bản kết quả điện tử hợp lệ □
- Bản kết quả giấy □

..., ngày ...tháng...năm...
ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI
(Ký tên, đóng dấu)

**** Chú ý:***

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).
- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu số 05

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM
REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN VIET NAM

Kính gửi: Sở Xây dựng .....
To: Department of Construction of.....

1. Người xin gia hạn *(Applicant Name)*: .....

2. Địa chỉ: *(Address)* .....

3. Số điện thoại: *(Telephone number)* ..... Số Fax/Địa chỉ email: *(Fax number/Email address)* .....

4. Đề nghị Sở Xây dựng ..... gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện vận tải sau: *Kindly request Provincial Department of Construction of to extend the operation period in Viet Nam for the following vehicle (s):*

- Biển số xe *(Registration number)*: .....

- Giấy phép liên vận ASEAN so (ASEAN Vehicle Cross-border Transport Permit number)..... ngày (the date of) ..... (dd/mm/yyyy)

- Ngày hết hạn của giấy phép (Expiry date of transport permit): ..... (dd/mm/yyyy)

5. Lý do xin gia hạn (Reason for extension):

.....

.....

(Mô tả lý do không thể về nước theo quy định (describe the reason of unability to timely return to its Home country))

6. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian .....ngày, từ ngày ..... đến ngày .....

Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in ..... day(s), from (dd/mm/yyyy)…… until ..... (dd/mm/yyyy)

7. Chúng tôi xin cam kết *(We commit)*:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo *(To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents).*

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các Hiệp định ASEAN *(To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of ASEAN Agreement)*.

8. Nhận kết quả bằng hình thức (Receive the result in the form of):

- Bản kết quả điện tử hợp lệ (Valid electronic result): □

- Bản kết quả giấy (Paper result) □

..., ngày ... tháng ... năm.....
Place, ...(dd/mm/yyyy)
Người xin gia hạn (Applicant name)
Ký, ghi rõ họ và tên (Signature & full name)
Lái xe, chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền
(Driver, vehicle owner or authorized person)

**** Chú ý (Note):***

Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

(A valid electronic result has the same legal value as the paper result in accordance with current regulations).

Phụ lục III

CÁC BIỂU MẪU LIÊN QUAN ĐẾN CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GMS VÀ GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GMS

(Kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS
Mẫu số 02	Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS
Mẫu số 03	Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD
Mẫu số 06	Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam

Mẫu số 01

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:…… **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GMS

Kính gửi: Sở Xây dựng.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải: .....

2. Địa chỉ: .....

3. Số điện thoại: ..... Số Fax/Địa chỉ email: .....

4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số: .....Ngày cấp: .....

5. Đề nghị Sở Xây dựng .....(cấp/cấp lại*) Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS như sau:

Loại hình hoạt động (ghi rõ một hoặc một số loại hình đề nghị cấp, gồm: vận tải hành khách cố định; vận tải hành khách theo hợp đồng; vận tải hàng hóa bằng xe ô tô):

.....

.....

.....

.....

6. Lý do đề nghị cấp lại: .....

7. Nhận kết quả bằng hình thức:

- Bản kết quả điện tử hợp lệ □
- Bản kết quả giấy □

....., ngày ... tháng ... năm ...
ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI
(Ký tên, đóng dấu)

**** Chú ý:***

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).
- Nếu đề nghị cấp lại cần ghi rõ lý do.
- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu số 02

ỦY BAN NHÂN DÂN ... PEOPLE'S COMMITTEE OF ... **SỞ XÂY DỰNG…** DEPARTMENT OF CONSTRUCTION…	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** Independence - Freedom - Happiness

GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GMS
GMS ROAD TRANSPORT PERMIT
Số Giấy phép (Permit No.): .....

1. Cấp cho đơn vị kinh doanh vận tải (Transport Operator Name): .....
2. Địa chỉ (Address): .....
3. Số điện thoại (Telephone number): .....
4. Loại hình hoạt động vận tải (Type of transport operation): .....

.....

.....

……, ngày... tháng... năm ...
……, ...(dd/mm/yyyy)
CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP
Issuing Authority
(Ký tên, đóng dấu)
(Signature & Stamp)

**** Chú ý:*** Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu số 03

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:…… **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GMS HOẶC SỔ TAD

Kính gửi: Sở Xây dựng .....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải: .....
2. Địa chỉ: .....
3. Số điện thoại: ..... Số Fax/Địa chỉ email: .....
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS số: .....Ngày cấp: ....
5. Đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD cho phương tiện theo danh sách dưới đây:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1										
2										
3										
...										

6. Nhận kết quả bằng hình thức:

- Bản kết quả điện tử hợp lệ □
- Bản kết quả giấy □

..., ngày... tháng... năm...
Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

**** Chú ý:***

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).
- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu số 06

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM
REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN VIET NAM

Kính gửi: Sở Xây dựng .....
To: Department of Construction of.....
….

1. Người xin gia hạn *(Applicant Name)*: .....

2. Địa chỉ: *(Address)* .....

3. Số điện thoại: *(Telephone number)* ..... Số Fax/Địa chỉ email: *(Fax number/Email address)* ……

4. Đề nghị Sở Xây dựng ..... gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện vận tải sau: *Kindly request Provincial Department of Construction of ..... to extend the operation period in Viet Nam for the following vehicle (s):*

- Biển số xe *(Registration number):* .....

- Giấy phép liên vận GMS số (GMS Road Transport Permit number) .... ngày (the date of) ..... (dd/mm/yyyy).

- Ngày hết hạn của giấy phép (Expiry date of transport permit): ..... (dd/mm/yyyy).

5. Lý do xin gia hạn (Reason for extension):.....

.....

(Mô tả lý do không thể về nước theo quy định (describe the reason of unability to timely return to its Home country))

6. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian .....ngày, từ ngày ..... đến ngày .....

Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in ... day(s), from … (dd/mm/yyyy) until … (dd/mm/yyyy)

7. Chúng tôi xin cam kết *(We commit):*

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo *(To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents)*.

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong Hiệp định GMS *(To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of GMS Agreement).*

8. Nhận kết quả bằng hình thức (Receive the result in the form of):

- Bản kết quả điện tử hợp lệ (Valid electronic result): □
- Bản kết quả giấy (Paper result): □

....., ngày ... tháng ... năm...
Place, ...(dd/mm/yyyy)
Người xin gia hạn (Applicant name)
Ký, ghi rõ họ và tên (Signature & full name)
Lái xe, chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền
(Driver, vehicle owner or authorized person)

**** Chú ý (Note):***

Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

(A valid electronic result has the same legal value as the paper result in accordance with current regulations).

Phụ lục IV

CÁC BIỂU MẪU LIÊN QUAN ĐẾN CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA

(Kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại
Mẫu số 02	Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại
Mẫu số 05	Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam
Mẫu số 06	Giấy đề nghị đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
Mẫu số 10	Giấy đề nghị ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
Mẫu số 12	Giấy đề nghị tăng/giảm tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
Mẫu số 13	Thông báo tăng/giảm tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

Mẫu số 01

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:…… **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA CHO PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI

Kính gửi: Sở Xây dựng .....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải: .....

2. Địa chỉ: .....

3. Số điện thoại: .....Số Fax: .....

4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào hoặc/và Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia số: .... Ngày cấp: .....

5. Đề nghị Sở Xây dựng..... cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu xuất - nhập cảnh
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1										
2										
3										

6. Loại hình kinh doanh vận tải:

a) Hành khách theo tuyến cố định: □

b) Hành khách theo hợp đồng: □ c) Vận tải hàng hóa: □

Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách cố định bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến: .....đi .....và ngược lại.

Bến đi: Bến xe .....(thuộc tỉnh: .....Việt Nam).

Bến đến: Bến xe .....(thuộc tỉnh:.....).

Cự ly vận chuyển: .....km.

Hành trình tuyến đường: .....

Đã được .....thông báo khai thác tuyến tại công văn số ..... ngày ... tháng ... năm ...

7. Nhận kết quả bằng hình thức:

- Bản kết quả điện tử hợp lệ □

- Bản kết quả giấy □

..., ngày ... tháng ... năm ...
ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI
(Ký tên, đóng dấu)

**** Chú ý:***

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).

- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu số 02

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA CHO PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI

Kính gửi: Sở Xây dựng.....

1. Tên tổ chức/cá nhân:.....

2. Địa chỉ: .....

3. Số điện thoại: ..... Số Fax/Địa chỉ email: .....

4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào hoặc/và Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) số: ..... Ngày cấp: .....

5. Đề nghị Sở Xây dựng .....cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Cửa khẩu xuất - nhập cảnh
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1									
2									
3									

6. Mục đích chuyến đi:

a) Công vụ: □ b) Cá nhân: □

c) Phục vụ hoạt động của tổ chức/cá nhân: □ d) Mục đích khác: □

7. Nhận kết quả bằng hình thức:

- Bản kết quả điện tử hợp lệ □
- Bản kết quả giấy □

..., ngày ... tháng ... năm ...
TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

**** Chú ý:***

- Tổ chức, đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).
- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu số 05

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY ĐỀ NGHỊ
GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM
REQUEST
FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN VIET NAM

Kính gửi: Sở Xây dựng.....
To: Department of Construction of.....

1. Người xin gia hạn (Applicant Name): .....

2. Địa chỉ (Address): .....

3. Số điện thoại (Telephone number): .....Số Fax (Fax number): .....

4. Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia số (Laos - Cambodia - Viet Nam vehicle cross-border transport permit No.): .....ngày (the date of) ....

5. Ngày hết hạn của Giấy phép liên vận (Expiry date of transport permit):.....

6. Lý do xin gia hạn: (mô tả lý do không thể về nước theo quy định) (Reason for extension: describe the reason of unability to timely return to its Home Country) .....

7. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian ... ngày, từ ngày.... đến ngày ...

Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in ...day(s), from ...until…

8. Chúng tôi xin cam kết (We commit):

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents).

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (To comply strictly with all provisions of Viet Nam’s Laws as well as the provisions of international treaties among Viet Nam, Laos and Cambodia on cross-border transport).

9. Nhận kết quả bằng hình thức (Receive the result in the form of):

- Bản kết quả điện tử hợp lệ (Valid electronic result): □

- Bản kết quả giấy (Paper result): □

..., ngày ... tháng ... năm ...
Place, ...(dd/mm/yyyy)
Người xin gia hạn
(Applicant Name)
(Ký, ghi rõ họ và tên)
(Signature and full name)

**** Chú ý (Note):***

Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

(A valid electronic result has the same legal value as the paper result in accordance with current regulations).

Mẫu số 06

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:…… **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../..... *....., ngày ..... tháng ..... năm.....*

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN, BỔ SUNG, THAY THẾ PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA

Kính gửi: Sở Xây dựng .....

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã: .....
2. Địa chỉ: .....
3. Số điện thoại: .....Số Fax: .....
4. Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia như sau:

Tỉnh/thành phố đi: .....Tỉnh/thành phố đến: .....

Bến đi: .....Bến đến: .....

Cự ly vận chuyển: .....km.

Hành trình chạy xe: .....

5. Danh sách xe đăng ký, bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

STT	Biển kiểm soát	Tên chủ sở hữu	Mác xe	Trọng tải	Năm sản xuất

6. Doanh nghiệp, hợp tác xã cam kết:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Giấy đăng ký khai thác vận tải hành khách cố định;

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định, ghi trong Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ.

7. Nhận kết quả bằng hình thức:

- Bản kết quả điện tử hợp lệ □
- Bản kết quả giấy □

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

**** Chú ý:***

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).
- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu số 10

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:…… **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../..... *....., ngày ..... tháng ..... năm.....*

GIẤY ĐỀ NGHỊ
NGỪNG KHAI THÁC TUYẾN, NGỪNG PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA

Kính gửi: Sở Xây dựng……

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải: .....

2. Địa chỉ: .....

3. Số điện thoại:..... Số Fax:.....

4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào hoặc/và Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia số:..... Ngày cấp: .....

5. Kể từ ngày .... /... /..... (Đơn vị kinh doanh vận tải) ..... sẽ ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

6. Tên tuyến đề nghị ngừng khai thác:..... (đối với ngừng khai thác tuyến).

7. Phương tiện đề nghị ngừng hoạt động trên tuyến:..... (đối với phương tiện ngừng hoạt động trên tuyến).

8. Nhận kết quả bằng hình thức:

- Bản kết quả điện tử hợp lệ □
- Bản kết quả giấy □

Nơi nhận:
- Như trên;
- ……
- Lưu:...

ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI
(Ký tên, đóng dấu)

**** Chú ý:***

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).
- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu số 12

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:……

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../.....

....., ngày ..... tháng ..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ TĂNG/GIẢM TẦN SUẤT CHẠY XE TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA

Kính gửi: Sở Xây dựng……

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải: .....

2. Địa chỉ: .....

3. Số điện thoại:..... Số fax:.....

4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào hoặc/và Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia số:..... Ngày cấp: .....

5. Kể từ ngày..... /…….. /..... (đơn vị kinh doanh vận tải)..... sẽ tăng/giảm tần suất chạy xe trên tuyến .....

6. Danh sách/số chuyến xe tăng/giảm tần suất khai thác: .....

7. Nhận kết quả bằng hình thức:

- Bản kết quả điện tử hợp lệ □
- Bản kết quả giấy □

Nơi nhận:
- Như trên;
- ……
- Lưu:...

ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI
(Ký tên, đóng dấu)

**** Chú ý:***

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).

- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu số 13

ỦY BAN NHÂN DÂN ….	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
SỞ XÂY DỰNG …	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: .../SXD-…	*....., ngày ..... tháng ..... năm .....*

THÔNG BÁO
TĂNG/GIẢM TẦN SUẤT CHẠY XE TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA

Kính gửi: .....

Căn cứ các quy định hiện hành về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải hành khách cố định bằng ô tô giữa Việt Nam, Lào và Campuchia;

Sở Xây dựng …. thông báo cho ..... (đơn vị kinh doanh vận tải) tăng/giảm tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

Tên tuyến: ..... đi ..... và ngược lại.

Số chuyến/xe tăng/giảm khai thác trên tuyến: .....

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....
- Lưu:...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

**** Chú ý:*** Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Phụ lục V

CÁC BIỂU MẪU LIÊN QUAN ĐẾN CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC

(Kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc (đối với phương tiện thương mại)
Mẫu số 02	Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc (đối với xe công vụ)
Mẫu số 10	Giấy đề nghị giới thiệu cấp Giấy phép vận tải loại D
Mẫu số 11	Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận tải loại D
Mẫu số 12	Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam
Mẫu số 13	Giấy đề nghị đăng ký/thay thế/bổ sung phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc
Mẫu số 14	Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc
Mẫu số 15	Thông báo khai thác/ngừng hoạt động tuyến/thay thế/bổ sung/ngừng phương tiện hoạt động tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc
Mẫu số 16	Giấy đề nghị ngừng hoạt động tuyến, ngừng hoạt động của phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc

Mẫu số 01

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC (đối với phương tiện thương mại)

Kính gửi: Sở Xây dựng ……..

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải: .....
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại:..... Số Fax/Địa chỉ Email: .....
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số..... Ngày cấp.....
5. Đề nghị cấp Giấy phép vận tải loại..... cho phương tiện theo danh sách dưới đây:

(Nếu có nhiều phương tiện thì lập bảng kê kèm theo đơn)

TT	Biển số xe	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Trọng tải (số ghế, tấn)	Thời hạn đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (định kỳ, không định kỳ, vận tải hàng hóa)	Tuyến hoạt động	Điểm dừng nghỉ trên đường
1								
2								
3								
4								

6. Người liên hệ để trả kết quả cấp phép: Họ tên:……. Điện thoại: .....
7. Nhận kết quả bằng hình thức:

- Bản kết quả điện tử hợp lệ □
- Bản kết quả giấy □

Nơi nhận:
- Như trên;
- ……
- Lưu:...

……, ngày... tháng... năm ...
ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI
(Ký tên, đóng dấu)

**** Chú ý:***

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).
- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu số 02

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC
(đối với xe công vụ)

Kính gửi: Sở Xây dựng ……

1. Tên cơ quan, đơn vị: .....

2. Địa chỉ:.....

3. Số điện thoại:..... Số Fax/Địa chỉ email: .....

4. Mục đích đề nghị cấp giấy phép cho phương tiện:.....

5. Đề nghị cấp Giấy phép vận tải loại……. cho phương tiện theo danh sách dưới đây:

TT	Biển số xe	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Trọng tải (số ghế, tấn)	Thời gian đề nghị cấp phép	Cửa khẩu xuất - nhập	Tuyến đường
A	B	1	2	3	4	5	6
1							
2							
3							
…							

6. Người liên hệ để trả kết quả cấp phép: Họ tên: …….. Số điện thoại:.....

7. Nhận kết quả bằng hình thức:

- Bản kết quả điện tử hợp lệ □
- Bản kết quả giấy □

Nơi nhận:
- Như trên;
- ……
- Lưu:...

……, ngày... tháng... năm ...
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

**** Chú ý:***

- Cơ quan, đơn vị phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).
- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu số 10

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
GIỚI THIỆU CẤP GIẤY PHÉP VẬN TẢI LOẠI D

Kính gửi: Sở Xây dựng …….

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải: .....

2. Địa chỉ:.....

3. Số điện thoại:..... Số Fax:.....

4. Địa chỉ Email: .....

5. Giấy phép (vận chuyển hàng quá khổ, quá tải hoặc hàng nguy hiểm) số... cấp ngày…

6. Đề nghị giới thiệu cấp Giấy phép vận tải loại D cho phương tiện Việt Nam thực hiện vận tải hàng hóa sang Trung Quốc như sau:

Xe số 1:

Biển kiểm soát: …	Số khung:	Màu sơn:	Trọng tải:
Số máy:	Nhãn hiệu:	Loại hàng vận chuyển:	Thời gian cấp phép:
Tuyến:	Hành trình đề nghị:	Các điểm dừng đỗ đề nghị:	Dự kiến thời gian khởi hành:

Xe số 2:

Biển kiểm soát: …	Số khung:	Màu sơn:	Trọng tải:
Số máy:	Nhãn hiệu:	Loại hàng vận chuyển:	Thời gian cấp phép:
Tuyến:	Hành trình đề nghị:	Các điểm dừng đỗ đề nghị:	Dự kiến thời gian khởi hành:

Xe số 3:.....

Ghi rõ tuyến, hành trình đề xuất theo tuyến quốc lộ, điểm dừng đỗ cả ở Việt Nam và Trung Quốc.

7. Đề nghị Sở Xây dựng..... giới thiệu với cơ quan có thẩm quyền phía Trung Quốc tạo điều kiện cấp giấy phép cho phương tiện.

8. Người liên hệ nhận giấy giới thiệu: .....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....

9. Nhận kết quả bằng hình thức:

- Bản kết quả điện tử hợp lệ □
- Bản kết quả giấy □

..., ngày ... tháng... năm...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

**** Chú ý:***

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).
- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu số 11

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI
TRANSPORT OPERATOR NAME

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP VẬN TẢI LOẠI D
APPLICATION FORM FOR TRANSPORT PERMIT - D

Kính gửi: Sở Xây dựng…….
To: Department of Construction of…… province

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải (Transport Operator Name): .....

2. Địa chỉ (Address): .....

3. Số điện thoại (Telephone number):..... Số Fax (Fax number): .....

4. Địa chỉ email (Email address): .....

5. Giấy phép (vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng hoặc hàng nguy hiểm) số…ngày …

Permit number (for carrying oversized, overweight or dangerous goods) ….. dated ….. (dd/mm/yyyy).

6. Giấy phép (vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng hoặc hàng nguy hiểm) số … do (cơ quan của Trung Quốc)...cấp ngày ... Permit number (for carrying oversized, overweight or dangerous goods) ... issued by (Chinese authority) … dated… (dd/mm/yyyy).

7. Đề nghị cấp Giấy phép vận tải loại D cho các phương tiện sau đây (Request for issuing Transport Permit - D for following vehicles):

Xe số 1:

Vehicle No.1:

Biển số xe: Plate Number:...	Số khung: Chassis Number:	Màu sơn: Color:	Trọng tải: Gross weight:
Số máy: Engine Number:	Nhãn hiệu: Brand/trademark:	Loại hàng vận chuyển: Type of goods:	Thời gian cấp phép: Date of issuance:
Tuyến: Route:	Hành trình đề nghị: Proposed route:	Các điểm dừng, đỗ đề nghị: Proposed stops and parking places:	Dự kiến thời gian khởi hành: Proposed time of departure:

Xe số 2:

Vehicle No.2:

Biển số xe: Plate Number:...	Số khung: Chassis Number:	Màu sơn: Color:	Trọng tải: Gross weight:
Số máy: Engine Number:	Nhãn hiệu: Brand/trademark:	Loại hàng vận chuyển: Type of goods:	Thời gian cấp phép: Date of issuance:
Tuyến: Route:	Hành trình đề nghị: Proposed route:	Các điểm dừng, đỗ đề nghị: Proposed stops and parking places:	Dự kiến thời gian khởi hành: Proposed time of departure:

Xe số 3: .....

Vehicle No.3: .....

Ghi rõ tuyến, hành trình đề xuất theo tuyến quốc lộ, điểm dừng đỗ cả ở Việt Nam và Trung Quốc.

Specifying proposed routes, stops and parking places in both VietNam and China

8. Người liên hệ (Contact person)

Họ và tên (Full name): .....

Điện thoại (Telephone number): .....

9. Nhận kết quả bằng hình thức (Receive the result in the form of):

- Bản kết quả điện tử hợp lệ (Valid electronic result): □
- Bản kết quả giấy (Paper result): □

..., ngày ...tháng...năm....
Place, ……..(dd/mm/yyyy)
ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI
(Transport Operator Name)
(Ký tên, đóng dấu)
(Signature and stamp)

**** Chú ý (Note):***

Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

(A valid electronic result has the same legal value as the paper result in accordance with current regulations).

Mẫu số 12

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM
REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN VIET NAM

Kính gửi: Sở Xây dựng.....
To: Department of Construction of……...

1. Người xin gia hạn (Applicant Name): .....
2. Địa chỉ (Address): .....
3. Số điện thoại (Telephone number):..... Số Fax (Fax number): .....
4. Địa chỉ email (Email address): .....
5. Giấy phép vận tải loại (Transport permit class....):..... ngày (the date of).
6. Ngày hết hạn của Giấy phép vận tải (Expiry date of transport permit):.....
7. Lý do xin gia hạn: (mô tả lý do không thể về nước theo quy định) (Reason for extension: describe the reason of unability to timely return to its Home Country)...
8. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian …... ngày, từ ngày ……. đến ngày.....

Request for extension of vehicle operation period in VietNam in .....day(s), from ……. Until……

9. Chúng tôi xin cam kết *(We commit):*

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo *(To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents).*

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc *(To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of international treaties between Vietnam and China on cross-border transport).*

10. Nhận kết quả bằng hình thức (Receive the result in the form of):

- Bản kết quả điện tử hợp lệ (Valid electronic result): □
- Bản kết quả giấy (Paper result): □

..., ngày ...tháng...năm....
Place, ……..(dd/mm/yyyy)
Người xin gia hạn
(Applicant Name)
(Ký, ghi rõ họ và tên)
(Signature and full name)

**** Chú ý (Note):***

Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

(A valid electronic result has the same legal value as the paper result in accordance with current regulations).

Mẫu số 13

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: …../…….

....., ngày …… tháng …… năm .....

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ/THAY THẾ/BỔ SUNG PHƯƠNG TIỆN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH ĐỊNH KỲ GIỮA VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC

Kính gửi: Sở Xây dựng ……..

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải: .....

2. Địa chỉ:.....

3. Số điện thoại:..... Số Fax/Địa chỉ email: .....

4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số:..... ngày.../.../.....

5. Đăng ký/thay thế/bổ sung phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc như sau:

Tỉnh/thành phố đi:..... Tỉnh/thành phố đến: .....

Bến đi:..... Bến đến: .....

Cự ly vận chuyển:..... km.

Hành trình chạy xe:.....

Điểm dừng đỗ trên đường:.....

6. Danh sách xe:

TT	Biển kiểm soát xe	Tên đăng ký sở hữu (sử dụng) xe	Loại xe	Số ghế	Năm sản xuất	Cửa khẩu xuất - nhập
1						
2						
…						

7. Phương án khai thác tuyến (kèm theo).

8. Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Giấy đề nghị đăng ký/thay thế/bổ sung phương tiện khai thác vận tải định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc;

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc.

9. Nhận kết quả bằng hình thức:

- Bản kết quả điện tử hợp lệ □
- Bản kết quả giấy □

ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI
(Ký tên, đóng dấu)

**** Chú ý:***

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).
- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu số 14

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ……

PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH ĐỊNH KỲ GIỮA VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC

1. Đặc điểm tuyến:

Tên tuyến:..... đi..... và ngược lại.

Bến đi:.....

Bến đến:.....

Cự ly vận chuyển:..... km.

Lộ trình:.....

2. Biểu đồ chạy xe:

Số chuyến trong..... ngày/tuần/tháng.

a) Tại bến lượt đi: bến xe:.....

Hàng ngày có..... chuyến xuất bến như sau:

+ Chuyến 1 xuất bến lúc..... giờ.

+ Chuyến 2 xuất bến lúc..... giờ.

+.....

b) Tại bến lượt về: bến xe:.....

Hàng ngày có..... chuyến xuất bến như sau:

+ Chuyến 1 xuất bến lúc..... giờ.

+ Chuyến 2 xuất bến lúc..... giờ.

+.....

c) Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe ... giờ.

d) Tốc độ lữ hành:..... km/giờ.

đ) Thời gian dừng nghỉ dọc đường:..... phút.

3. Các trạm dừng nghỉ trên đường:

a) Lượt đi từ Bến xe:..... đến Bến xe:.....

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất.....

- Điểm dừng thứ hai.....

- Điểm dừng thứ ba:.....

b) Lượt về từ Bến xe:..... đến Bến xe:.....

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất.....

- Điểm dừng thứ hai.....

- Điểm dừng thứ ba:.....

c) Thời gian dừng, nghỉ từ..... đến..... phút/điểm.

4. Phương tiện bố trí trên tuyến

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Ghi chú
A	B	1	2	3	4
1					
2					
3					

5. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

a) Số lượng:

b) Điều kiện của lái xe:

- Có giấy phép lái xe phù hợp với xe điều khiển.

- Có đủ điều kiện về sức khỏe, bảo đảm an toàn giao thông đường bộ.

- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị.

- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên.

-……

c) Điều kiện của nhân viên phục vụ trên xe

- Có đủ điều kiện về sức khỏe.

- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị.

- Nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên.

-……

6. Các dịch vụ khác

a) Dịch vụ chung chạy xe trên tuyến:.....

b) Dịch vụ đối với những xe chất lượng cao:.....

7. Giá vé

a) Giá vé:

- Giá vé suốt tuyến:……..... đồng/hành khách.

- Giá vé chặng (nếu có):…….. đồng/hành khách.

Giá vé	**đồng/hành khách**
Trong đó:	
- Giá vé (*)	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn chính	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn phụ	đồng/hành khách
- Phục vụ khác: khăn, nước ...	đồng/hành khách

(*) Giá vé đã bao gồm bảo hiểm hành khách, phí cầu phà và các dịch vụ bến bãi.

b) Hình thức bán vé

- Bán vé tại quầy ở bến xe:.....

- Bán vé tại đại lý:..... (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).

- Bán vé qua mạng:..... (địa chỉ trang Web).

ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI
(Ký tên, đóng dấu)

**** Chú ý:***

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào phương án khai thác tuyến (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).

- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu số 15

CƠ QUAN QUẢN LÝ TUYẾN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
———	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……/……	*....., ngày …… tháng …… năm .....*

THÔNG BÁO
KHAI THÁC/NGỪNG HOẠT ĐỘNG TUYẾN/THAY THẾ/BỔ SUNG/ NGỪNG PHƯƠNG TIỆN HOẠT ĐỘNG TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH ĐỊNH KỲ GIỮA VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC
Tuyến:..... đi..... và ngược lại
Giữa Bến xe..... và Bến xe .....

Kính gửi: …….

Sở Xây dựng ..... nhận được công văn số ..../..... ngày ……. của..... về việc đăng ký khai thác/ngừng hoạt động tuyến/thay thế/bổ sung/ngừng phương tiện hoạt động vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc;

Thực hiện Điều ..... Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, Sở Xây dựng..... thông báo như sau:

Chấp thuận ..... được khai thác/ngừng hoạt động tuyến/thay thế/bổ sung/ngừng phương tiện hoạt động tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc.

Tên tuyến:..... đi..... và ngược lại.

Bến đi: Bến xe.....

Bến đến: Bến xe.....

Số xe tham gia khai thác:..... (dành cho phương tiện đăng ký khai thác tuyến).

Số xe bổ sung khai thác tuyến:..... (dành cho phương tiện bổ sung khai thác tuyến).

Số xe thay thế:..... **Thay thế cho xe**..... (dành cho phương tiện thay thế khai thác tuyến).

Số xe ngừng hoạt động trên tuyến:..... (đối với phương tiện ngừng hoạt động trên tuyến).

Trong thời gian 60 ngày kể từ ngày ký văn bản này..... phải đưa phương tiện vào khai thác. Quá thời hạn nêu trên, giấy thông báo không còn hiệu lực (đối với đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện).

..... (Đơn vị kinh doanh vận tải) ký hợp đồng khai thác với bến xe cho phương tiện đã được Sở Xây dựng..... chấp thuận và tổ chức hoạt động vận tải hành khách trên tuyến theo đúng các quy định hiện hành (đối với đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện).

Nơi nhận:	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**
- …….	*(Ký tên, đóng dấu)*
- …….	

**** Chú ý:***

Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu số 16

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ……/……

....., ngày …… tháng …… năm .....

GIẤY ĐỀ NGHỊ
NGỪNG HOẠT ĐỘNG TUYẾN/NGỪNG HOẠT ĐỘNG CỦA PHƯƠNG TIỆN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH ĐỊNH KỲ GIỮA VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC

Kính gửi: Sở Xây dựng ……

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải: .....

2. Địa chỉ: .....

3. Số điện thoại:.....Số Fax:.....

4. Thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc số: …….. Ngày cấp:.....

5. Kể từ ngày..... /.... /.....,.. (Đơn vị kinh doanh vận tải) sẽ ngừng khai thác tuyến/ngừng phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam, Trung Quốc.

6. Tên tuyến đề nghị ngừng khai thác: ..... (đối với tuyến ngừng khai thác).

7. Số xe ngừng khai thác:..... (đối với phương tiện ngừng khai thác).

8. Nhận kết quả bằng hình thức:

- Bản kết quả điện tử hợp lệ □
- Bản kết quả giấy □

Nơi nhận:
- Như trên;
-……
- Lưu:...

ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI
(Ký tên, đóng dấu)

**** Chú ý:***

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).
- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Phụ lục VI
CÁC BIỂU MẪU LIÊN QUAN ĐẾN CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ VÀ GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO

(Kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào
Mẫu số 04	Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện thương mại
Mẫu số 05	Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện phi thương mại và phương tiện phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trên tại Lào
Mẫu số 07	Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam
Mẫu số 08	Giấy đăng ký/bổ sung/thay thế/ngừng phương tiện và ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào
Mẫu số 09	Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào
Mẫu số 10	Thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào
Mẫu số 12	Thông báo bổ sung/thay thế/ngừng phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào
Mẫu số 13	Thông báo ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào
Mẫu số 14	Giấy đề nghị tăng/giảm tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào
Mẫu số 15	Văn bản Thông báo tăng/giảm tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào

Mẫu số 01

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO

Kính gửi: Sở Xây dựng ……

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải: .....

2. Địa chỉ:.....

3. Số điện thoại:..... Số Fax/Địa chỉ email: .....

4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số:..... Ngày cấp: .....

5. Đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào như sau:

- Loại hình hoạt động (ghi rõ một hoặc một số loại hình đề nghị cấp, gồm: vận tải hành khách cố định; vận tải hành khách theo hợp đồng; vận tải hàng hóa bằng xe ô tô):

.....

.....

- Loại hình đề nghị cấp (ghi rõ cấp mới hoặc cấp lại, trường hợp đề nghị cấp lại do bị mất, nêu rõ lý do):

.....

.....

6. Nhận kết quả bằng hình thức:

- Bản kết quả điện tử hợp lệ □

- Bản kết quả giấy □

..., ngày ... tháng... năm...
ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI
(Ký tên, đóng dấu)

**** Chú ý:***

Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu số 04

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO CHO PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI

Kính gửi: Sở Xây dựng……

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải: .....

2. Địa chỉ: .....

3. Số điện thoại:..... Số Fax/Địa chỉ email: .....

4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào số..... ngày cấp .....

5. Đề nghị Sở Xây dựng ..... cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho các phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp Giấy phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu xuất - nhập
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1										
2										
3										

Đối với phương tiện thay thế: ghi rõ phương tiện có biển kiểm soát……..... thay thế phương tiện có biển kiểm soát.....

6. Loại hình kinh doanh vận tải:

a) Hành khách theo tuyến cố định ☐ b) Hành khách theo hợp đồng: ☐

c) Vận tải hàng hóa: ☐

Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách theo tuyến cố định bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến:..... đi..... và ngược lại.

Bến đi: Bến xe..... (thuộc tỉnh:..... Việt Nam).

Bến đến: Bến xe..... (thuộc tỉnh:..... Lào).

Cự ly vận chuyển:..... km.

Hành trình tuyến đường:.....

Đã được Sở Xây dựng ..... thông báo khai thác tuyến tại công văn số..... ngày .....

7. Nhận kết quả bằng hình thức:

- Bản kết quả điện tử hợp lệ □
- Bản kết quả giấy □

..., ngày... tháng ... năm...
ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI
(Ký tên, đóng dấu)

**** Chú ý:***

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).
- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu số 05

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO CHO PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI VÀ PHƯƠNG TIỆN PHỤC VỤ CÁC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN HOẶC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP TẠI LÀO

Kính gửi: Sở Xây dựng.....

1. Tên tổ chức/cá nhân:.....

2. Địa chỉ:.....

3. Số điện thoại:…… Số Fax/Địa chỉ email: .....

4. Đề nghị Sở Xây dựng..... cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu xuất - nhập
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1										
2										
…										

5. Mục đích chuyến đi

a) Công vụ: ☐ b) Cá nhân: ☐

c) Hoạt động kinh doanh: ☐ d) Mục đích khác ☐

6. Nhận kết quả bằng hình thức:

- Bản kết quả điện tử hợp lệ □
- Bản kết quả giấy □

...., ngày .... tháng .... năm ...
Tổ chức/Cá nhân
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

**** Chú ý:***

- Tổ chức, cá nhân phải ký, đóng dấu (đối với tổ chức) vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).
- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu số 07

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY ĐỀ NGHỊ
GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM
REQUEST
FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN VIET NAM

Kính gửi: Sở Xây dựng .....
To: Department of Construction of .....

1. Người xin gia hạn (Applicant Name): .....

2. Địa chỉ (Address): .....

3. Số điện thoại (Telephone number): ..... Số Fax (Fax number):…….

4. Giấy phép liên vận giữa Lào và Việt Nam số (Laos - Viet Nam vehicle cross-border transport permit No.): ..... ngày (the date of) .....

5. Ngày hết hạn của Giấy phép liên vận (Expiry date of transport permit):.....

6. Lý do xin gia hạn: (mô tả lý do không thể về nước theo quy định) (Reason for extension: describe the reason of unability to timely return to its Home Country) .....

7. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam trong thời gian .... ngày, từ ngày ..... đến ngày .....

Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in ...day(s), from ..... until .....

8. Chúng tôi xin cam kết *(We commit)*:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo *(To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents).*

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Lào *(To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of international treaties between Viet Nam and Laos on cross-border transport).*

9. Nhận kết quả bằng hình thức (Receive the result in the form of):

- Bản kết quả điện tử hợp lệ (Valid electronic result): □
- Bản kết quả giấy (Paper result): □

..., ngày ... tháng ... năm...
Place, ...(dd/mm/yyyy)
Người xin gia hạn
(Applicant Name)
(Ký, ghi rõ họ và tên)
(Signature and full name)

**** Chú ý (Note):***

Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

(A valid electronic result has the same legal value as the paper result in accordance with current regulations).

Mẫu số 08

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:.....
_____

Số: .../...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY ĐĂNG KÝ/BỔ SUNG/THAY THẾ/NGỪNG PHƯƠNG TIỆN VÀ NGỪNG KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO

Kính gửi: Sở Xây dựng……..

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải: .....

2. Địa chỉ: .....

3. Số điện thoại: ..... Số Fax/Địa chỉ email: .....

4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt Nam - Lào số: ..... ngày cấp:…

5. Đăng ký/bổ sung/thay thế/ngừng phương tiện và ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào như sau:

Tỉnh/thành phố đi: ..... Tỉnh/thành phố đến: .....

Bến đi: ..... Bến đến (Nơi đón trả khách): .....

Cự ly vận chuyển: .....km

Hành trình chạy xe: ..... cửa khẩu đi/cửa khẩu đến.....

6. Danh sách phương tiện:

TT	Biển kiểm soát xe	Tên đăng ký sở hữu (sử dụng) xe	Loại xe	Số ghế	Năm sản xuất	Cửa khẩu xuất - nhập
1						
2						
...						

(Đối với phương tiện thay thế ghi rõ phương tiện biển số ..... thay thế phương tiện biển số .....)

7. Phương án khai thác tuyến (kèm theo: Đối với đăng ký khai thác tuyến, bổ sung phương tiện).

8. Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Giấy đăng ký/bổ sung/thay thế/ngừng phương tiện và ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào;

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Lào.

9. Nhận kết quả bằng hình thức:

- Bản kết quả điện tử hợp lệ □

- Bản kết quả giấy □

ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI
(Ký tên, đóng dấu)

**** Chú ý:***

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).

- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu số 09

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:.....
_____

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
_____

PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO

1. Đặc điểm tuyến:

Tên tuyến: ..... đi ..... và ngược lại.

Bến đi: .....

Bến đến: .....

Cự ly vận chuyển: .....km.

Hành trình: .....cửa khẩu đi/cửa khẩu đến .....

2. Biểu đồ chạy xe:

Số chuyến trong .... ngày/tuần/tháng.

a) Tại bến lượt đi: bến xe: .....

Hàng ngày có ..... chuyến xuất bến như sau:

+ Chuyến 1 xuất bến lúc ..... giờ.

+ Chuyến 2 xuất bến lúc ..... giờ.

+ .....

b) Tại bến lượt về: bến xe: .....

Hàng ngày có ..... chuyến xuất bến như sau:

+ Chuyến 1 xuất bến lúc ..... giờ.

+ Chuyến 2 xuất bến lúc ..... giờ.

+ .....

c) Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe ..... giờ.

d) Tốc độ lữ hành: .....km/giờ.

đ) Thời gian dừng nghỉ dọc đường: ..... phút.

3. Các điểm dừng nghỉ trên đường:

a) Lượt đi từ Bến xe: ..... đến Bến xe: .....

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất .....

- Điểm dừng thứ hai .....

- Điểm dừng thứ ba: .....

b) Lượt về từ Bến xe: ..... đến Bến xe: .....

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất .....

- Điểm dừng thứ hai .....

- Điểm dừng thứ ba: .....

c) Thời gian dừng, nghỉ từ ..... đến ..... phút/điểm.

4. Phương tiện bố trí trên tuyến

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Ghi chú
A	B	1	2	3	4
1					
2					
3					

5. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

a) Số lượng:

b) Điều kiện của lái xe:

- Có bằng lái xe phù hợp với xe điều khiển.

- Có đủ điều kiện về sức khỏe, bảo đảm an toàn giao thông đường bộ.

- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị.

- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên.

- .....

c) Điều kiện của nhân viên phục vụ trên xe

- .....

6. Các dịch vụ khác

a) Dịch vụ chung chạy xe trên tuyến: ....

b) Dịch vụ đối với những xe chất lượng cao: .....

7. Giá vé

a) Giá vé:

- Giá vé suốt tuyến: ..... đồng/hành khách.

- Giá vé chặng (nếu có): ..... đồng/hành khách.

Giá vé	**đồng/hành khách**
Trong đó:	đồng/hành khách

- Giá vé (*)	
- Chi phí các bữa ăn chính	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn phụ	đồng/hành khách
- Phục vụ khác: khăn, nước ...	đồng/hành khách

(*) Giá vé đã bao gồm bảo hiểm hành khách, phí cầu phà và các dịch vụ bến bãi.

b) Hình thức bán vé

- Bán vé tại quầy ở bến xe: .....
- Bán vé tại đại lý: ..... (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).
- Bán vé qua mạng: ..... (địa chỉ trang Web).

ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI
(Ký tên, đóng dấu)

**** Chú ý:***

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).
- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu số 10

ỦY BAN NHÂN DÂN ….	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
SỞ XÂY DỰNG …	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ... /SXD-……	*....., ngày ... tháng ... năm...*

THÔNG BÁO
KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO
Tuyến: ..... đi ..... và ngược lại
Giữa: Bến xe ..... và Bến xe .....

Kính gửi: .....

Sở Xây dựng …….nhận được công văn số…… ngày ... tháng .... năm... và hồ sơ kèm theo của ..... về việc đăng ký khai thác vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào;

Thực hiện Điều ..... Nghị định số …../2026/NĐ-CP ngày …./…../2026 của Chính phủ ……., Sở Xây dựng …..thông báo như sau:

Chấp thuận ……..... được khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào.

Tên tuyến: ..... đi .....và ngược lại.

Bến đi: Bến xe ..... (tên tỉnh đi).

Bến đến: Bến xe ..... (tên tỉnh đến).

Hành trình: ..... cửa khẩu đi/cửa khẩu đến .....

Số lượng phương tiện tham gia khai thác: .....

Trong thời gian 60 ngày, kể từ ngày ký văn bản này, ... phải đưa phương tiện vào khai thác, phải ký hợp đồng khai thác với bến xe hai đầu tuyến, báo cáo về Sở Xây dựng ..... Quá thời hạn nêu trên, giấy thông báo không còn hiệu lực.

Nơi nhận:	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**
-	*(Ký tên, đóng dấu)*
-	

**** Chú ý:*** Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu số 12

ỦY BAN NHÂN DÂN …. **SỞ XÂY DỰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: .../SXD-……	*……, ngày... tháng ... năm ...*

THÔNG BÁO
BỔ SUNG/THAY THẾ/NGỪNG PHƯƠNG TIỆN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO

Kính gửi: .....

Sở Xây dựng …..nhận được công văn số ..... ngày ... tháng .... năm... và hồ sơ kèm theo của ..... về việc đăng ký bổ sung, thay thế, ngừng phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào;

Sở Xây dựng ……thông báo như sau:

Thông báo cho phép ..... được bổ sung/thay thế/ngừng phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào.

Tên tuyến: ..... đi ..... và ngược lại.

Bến đi: Bến xe ..... (tên tỉnh đi).

Bến đến: Bến xe ..... (tên tỉnh đến).

Hành trình: ..... cửa khẩu đi/cửa khẩu đến .....

Số xe bổ sung khai thác tuyến: ..... (dành cho phương tiện bổ sung khai thác tuyến).

Số xe thay thế: ... **Thay thế cho xe** ... (dành cho phương tiện thay thế khai thác tuyến).

Số xe ngừng hoạt động trên tuyến: ... (đối với phương tiện ngừng hoạt động trên tuyến).

Thời hạn triển khai hoạt động vận tải hành khách trên tuyến cho xe được bổ sung/thay thế: 30 ngày kể từ ngày ký văn bản, trong thời hạn này đơn vị kinh doanh vận tải phải ký hợp đồng khai thác với bến xe hai đầu tuyến, báo cáo về Sở xây dựng ..... Quá thời hạn nêu trên, văn bản thông báo không còn hiệu lực.

Yêu cầu ..... tổ chức hoạt động vận tải hành khách trên tuyến theo đúng các quy định hiện hành.

Nơi nhận: - Như trên; - ..... - Lưu:...	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(Ký tên, đóng dấu)*

**** Chú ý:*** Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu số 13

ỦY BAN NHÂN DÂN …. **SỞ XÂY DỰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: .../SXD-……	*...., ngày .... tháng .... năm ....*

THÔNG BÁO
NGỪNG KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO

Kính gửi: .... *(Tên đơn vị kinh doanh vận tải gửi hồ sơ đăng ký)* .....

Căn cứ các quy định hiện hành về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào;

Sở Xây dựng …. thông báo cho đơn vị kinh doanh vận tải ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào.

Tên tuyến: ..... đi ..... và ngược lại.

Bến đi: Bến xe ..... (thuộc tỉnh (TP) ..... *(tỉnh đi)* .....).

Bến đến: Bến xe ..... (thuộc tỉnh (TP) ..... *(tỉnh đến)* .....).

Nơi nhận: - Như trên; - ..... - Lưu:	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(Ký tên, đóng dấu)*

**** Chú ý:*** Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu số 14

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:.....
_____

Số:…..

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
_____

……., ngày ... tháng ... năm…

GIẤY ĐỀ NGHỊ
TĂNG/GIẢM TẦN SUẤT CHẠY XE TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO

Kính gửi: Sở Xây dựng ……

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải: .....

2. Địa chỉ: .....

3. Số điện thoại/Số Fax: .....

4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào số: ..... ngày cấp: .....

5. Kể từ ngày ...../ ...../ ....., ... (đơn vị kinh doanh vận tải) sẽ ..... tăng/giảm tần suất chạy xe trên tuyến .....

6. Danh sách/số chuyến xe tăng/giảm tần suất khai thác: .....

7. Nhận kết quả bằng hình thức:

- Bản kết quả điện tử hợp lệ □
- Bản kết quả giấy □

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....
- Lưu:...

ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI
(Ký tên, đóng dấu)

**** Chú ý:***

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).
- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu số 15

ỦY BAN NHÂN DÂN ….	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
SỞ XÂY DỰNG …	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: .../SXD - …	*....., ngày ..... tháng ..... năm .....*

THÔNG BÁO
TĂNG/GIẢM TẦN SUẤT CHẠY XE TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO

Kính gửi: .....

Căn cứ các quy định hiện hành về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải hành khách cố định bằng ô tô giữa Việt Nam và Lào;

Sở Xây dựng …. thông báo cho ..... (đơn vị kinh doanh vận tải) ..... tăng/giảm tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào.

Tên tuyến: ..... đi ..... và ngược lại.

Số chuyến/xe tăng/giảm khai thác trên tuyến: .....

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....
- Lưu:...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

**** Chú ý:*** Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Phụ lục VII

CÁC BIỂU MẪU LIÊN QUAN ĐẾN CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ VÀ GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA

(Kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia
Mẫu số 03	Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia
Mẫu số 04	Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện thương mại
Mẫu số 05	Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện phi thương mại
Mẫu số 08	Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam
Mẫu số 09	Giấy đăng ký/bổ sung/thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia
Mẫu số 10	Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia
Mẫu số 11	Thông báo khai thác/bổ sung/thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia
Mẫu số 13	Giấy đề nghị ngừng khai thác tuyến/ngừng phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia
Mẫu số 14	Thông báo ngừng khai thác tuyến/ngừng phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia
Mẫu số 15	Giấy đề nghị tăng/giảm tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia
Mẫu số 16	Thông báo tăng/giảm tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia

Mẫu số 01

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA

Kính gửi: Sở Xây dựng.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:……...

2. Địa chỉ: ……

3. Số điện thoại: ..... Số Fax/Địa chỉ email: ……

4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số: ..... Ngày cấp: ….

5. Đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia như sau:

- Loại hình hoạt động (ghi rõ một hoặc một số loại hình đề nghị cấp, gồm: vận tải hành khách cố định; vận tải hành khách theo hợp đồng; vận tải hành khách bằng xe taxi; vận tải hàng hóa bằng xe ô tô):

.....

.....

.....

- Loại hình đề nghị cấp (ghi rõ cấp mới hoặc cấp lại, trường hợp đề nghị cấp lại do bị mất, nêu rõ lý do):

.....

.....

6. Nhận kết quả bằng hình thức:

- Bản kết quả điện tử hợp lệ □
- Bản kết quả giấy □

....., ngày ... tháng ... năm ...
ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI
(Ký tên, đóng dấu)

**** Chú ý:***

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).
- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu số 03

ỦY BAN NHÂN DÂN …..	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
PEOPLE'S COMMITTEE OF ...	SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
SỞ XÂY DỰNG …	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
DEPARTMENT OF CONSTRUCTION ...	Independence - Freedom - Happiness
_____	_____

GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA
VIET NAM - CAMBODIA CROSS-BORDER TRANSPORT PERMIT

Số Giấy phép (Permit Number):.....

1. Cấp cho đơn vị (Transport Operator Name): .....

.....

2. Địa chỉ (Address): .....

.....

3. Số điện thoại (Telephone number): .....

4. Loại hình hoạt động vận tải (Type of Transport operation):

.....

……., ngày... tháng... năm ...
..... (dd/mm/yyyy)
CƠ QUAN CẤP PHÉP
Issuing authority
(Ký tên, đóng dấu)
(Signature and stamp)

**** Chú ý:*** Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu số 04

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA CHO PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI

Kính gửi: Sở Xây dựng.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải: ……

2. Địa chỉ:…….

3. Số điện thoại: ..... Số Fax/Địa chỉ email:……..

4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia số ..... ngày cấp .....

5. Đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho các phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp Giấy phép	Cửa khẩu xuất - nhập
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1									
2									
3									

Đối với phương tiện thay thế: ghi rõ phương tiện có biển kiểm soát ..... thay thế phương tiện có biển kiểm soát ....

6. Loại hình kinh doanh vận tải:

a) Hành khách theo tuyến cố định: □

b) Hành khách theo hợp đồng: □ c) Vận tải hàng hóa: □

Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách cố định bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến: ..... đi ..... và ngược lại.

Bến đi: Bến xe ..... (thuộc tỉnh: ..... Việt Nam).

Bến đến: Bến xe ..... (thuộc tỉnh: ..... Campuchia).

Cự ly vận chuyển: ..... km.

Hành trình tuyến đường:

Đã được ..... thông báo khai thác tuyến tại công văn số ..... ngày.....

7. Nhận kết quả bằng hình thức:

- Bản kết quả điện tử hợp lệ □

- Bản kết quả giấy □

.....,ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI

(Ký tên, đóng dấu)

**** Chú ý:***

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).

- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu số 05

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA CHO PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI

Kính gửi: Sở Xây dựng .....

1. Tên tổ chức/cá nhân: …….

2. Địa chỉ: …….

3. Số điện thoại: ..... Số Fax/Địa chỉ email: ……

4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) số: ..... ngày cấp: ……..

5. Đề nghị Sở Xây dựng..... cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Cửa khẩu xuất - nhập
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1									
2									
3									

6. Nhận kết quả bằng hình thức:

- Bản kết quả điện tử hợp lệ □
- Bản kết quả giấy □

....., ngày ... tháng ... năm ...
TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

**** Chú ý:***

- Tổ chức, cá nhân phải ký, đóng dấu (đối với tổ chức) vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).
- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu số 08

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM
REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN VIET NAM

Kính gửi: Sở Xây dựng .....
To: Department of Construction of .....

1. Người xin gia hạn (Applicant Name): ……

2. Địa chỉ (Address): ……..……..

3. Số điện thoại (Telephone number): ..... Số Fax (Fax number):….

4. Địa chỉ email (Email address): .....

5. Giấy phép liên vận giữa Campuchia và Việt Nam số (Cambodia - Viet Nam vehicle cross-border transport permit No.): ..... ngày (the date of) .....

6. Ngày hết hạn của Giấy phép liên vận (Expiry date of transport permit):…….

7. Lý do xin gia hạn: (mô tả lý do không thể về nước theo quy định) (Reason for extension: describe the reason of unability to timely return to its Home Country) .....

8. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian ..... ngày, từ ngày ..... đến ngày ……..

Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in ...day(s), from .....until .....

9. Chúng tôi xin cam kết *(We commit):*

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo *(To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents).*

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Campuchia *(To comply strictly with all provisions of Viet Nam ’s Laws as well as the provisions of international treaties between Viet Nam and Cambodia on cross-border transport).*

10. Nhận kết quả bằng hình thức (Receive the result in the form of):

- Bản kết quả điện tử hợp lệ (Valid electronic result): □
- Bản kết quả giấy (Paper result): □

..., ngày ... tháng ... năm ...
Place, ... (dd/mm/yyyy)
Người xin gia hạn
(Applicant Name)
(Ký, ghi rõ họ và tên)
(Signature and full name)

**** Chú ý (Note):***

Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

(A valid electronic result has the same legal value as the paper result in accordance with current regulations).

Mẫu số 09

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../.....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

GIẤY ĐĂNG KÝ/BỔ SUNG/THAY THẾ PHƯƠNG TIỆN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA

Kính gửi: Sở Xây dựng .....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:…….

2. Địa chỉ: ……

3. Số điện thoại: ..... Số Fax/Địa chỉ email:……..

4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia số: ..... ngày cấp: ……

5. Đăng ký/thay thế/bổ sung phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia như sau:

Tỉnh/thành phố đi: ..... Tỉnh/thành phố đến: .....

Bến đi: ..... Bến đến (Nơi đón trả khách):

Cự ly vận chuyển: .....km.

Hành trình chạy xe: .....cửa khẩu đi/cửa khẩu đến ……...

6. Danh sách xe:

TT	Biển kiểm soát xe	Tên đăng ký sở hữu xe	Loại xe	Số ghế	Năm sản xuất	Cửa khẩu xuất - nhập
A	B	1	2	3	4	5
1						
2						
...						

7. Phương án khai thác tuyến (kèm theo).

8. Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Giấy đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia;

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Campuchia.

9. Nhận kết quả bằng hình thức:

- Bản kết quả điện tử hợp lệ □

- Bản kết quả giấy □

ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI
(Ký tên, đóng dấu)

**** Chú ý:***

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).

- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu số 10

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA

1. Đặc điểm tuyến

Tên tuyến: ..... đi ..... và ngược lại.

Bến đi: .....

Bến đến: .....

Cự ly vận chuyển: .....km.

Hành trình: ..... cửa khẩu đi/cửa khẩu đến .....

2. Biểu đồ chạy xe

Số chuyến trong .... ngày/tuần/tháng.

a) Tại bến lượt đi: bến xe: .....

Hàng ngày có ..... chuyến xuất bến như sau:

+ Chuyến 1 xuất bến lúc ..... giờ.

+ Chuyến 2 xuất bến lúc ..... giờ.

+.....

b) Tại bến lượt về: bến xe: .....

Hàng ngày có ..... chuyến xuất bến như sau:

+ Chuyến 1 xuất bến lúc .....giờ.

+ Chuyến 2 xuất bến lúc .....giờ.

+ .....

c) Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe .....giờ.

d) Tốc độ lữ hành: .....km/giờ.

đ) Thời gian dừng nghỉ dọc đường: .....phút.

3. Các điểm dừng nghỉ trên đường

a) Lượt đi từ Bến xe: ..... đến Bến xe: .....

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất: ……...

- Điểm dừng thứ hai: ……..

- Điểm dừng thứ ba: ……

b) Lượt về từ Bến xe: ..... đến Bến xe:

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất: .....

- Điểm dừng thứ hai: .....

- Điểm dừng thứ ba: .....

c) Thời gian dừng, nghỉ từ ..... đến ..... phút/điểm.

4. Phương tiện bố trí trên tuyến

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (Ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Ghi chú
A	B	1	2	3	4
1					
2					
…					

5. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

a) Số lượng:

b) Điều kiện của lái xe:

- Có bằng lái xe phù hợp với xe điều khiển.

- Có đủ điều kiện về sức khỏe, bảo đảm an toàn giao thông đường bộ.

- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị.

- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên

.....

c) Điều kiện của nhân viên phục vụ trên xe

.....

6. Các dịch vụ khác

a) Dịch vụ chung chạy xe trên tuyến: .....

b) Dịch vụ đối với những xe chất lượng cao: .....

7. Giá vé

a) Giá vé:

- Giá vé suốt tuyến: .....đồng/hành khách.

- Giá vé chặng (nếu có): .....đồng/hành khách.

Giá vé	đồng/hành khách
Trong đó: - Giá vé (*)	đồng/hành khách

- Chi phí các bữa ăn chính	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn phụ	đồng/hành khách
- Phục vụ khác: khăn, nước ...	đồng/hành khách

(*) Giá vé đã bao gồm bảo hiểm hành khách, phí cầu phà và các dịch vụ bến bãi.

b) Hình thức bán vé

- Bán vé tại quầy ở bến xe: .....

- Bán vé tại đại lý: ..... (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).

- Bán vé qua mạng: ..... (địa chỉ trang Web).

ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI
(Ký tên, đóng dấu)

**** Chú ý:***

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào phương án (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).

- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu số 11

ỦY BAN NHÂN DÂN …..	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
SỞ XÂY DỰNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …./SXD-…..	*……, ngày ... tháng ... năm ...*

THÔNG BÁO
KHAI THÁC/BỔ SUNG/THAY THẾ PHƯƠNG TIỆN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA
Tuyến: ..... đi ..... và ngược lại
Giữa: Bến xe ..... và Bến xe .....

Kính gửi: .....

Sở Xây dựng ……. nhận được công văn số ..... ngày ... tháng ....năm... và hồ sơ kèm theo của… về việc đăng ký khai thác/bổ sung/thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia;

Thực hiện Điều ... Nghị định số…../2026/NĐ-CP ngày …../……/2026 của Chính phủ ……., Sở Xây dựng ….. thông báo như sau:

Chấp thuận ..... được khai thác tuyến/bổ sung/thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia.

Tên tuyến: ..... đi ..... và ngược lại.

Bến đi: Bến xe ..... (tên tỉnh đi).

Bến đến: Bến xe ..... (tên tỉnh đến).

Hành trình: ..... cửa khẩu đi/cửa khẩu đến.

Số xe tham gia khai thác: ..... (dành cho phương tiện đăng ký khai thác tuyến).

Số xe bổ sung khai thác tuyến: ..... (dành cho phương tiện bổ sung khai thác tuyến).

Số xe thay thế: ..... **Thay thế cho xe** ..... (dành cho phương tiện thay thế khai thác tuyến).

Trong thời gian 60 ngày, kể từ ngày ký văn bản này, ... phải đưa phương tiện vào khai thác, phải ký hợp đồng khai thác với bến xe hai đầu tuyến, báo cáo về Sở Xây dựng ..... Quá thời hạn nêu trên, giấy thông báo không còn hiệu lực.

Nơi nhận:	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**
- Như trên;	*(Ký tên, đóng dấu)*
-	
- Lưu:...	

**** Chú ý:***

Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu số 13

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../....

...., ngày .... tháng .... năm ....

GIẤY ĐỀ NGHỊ
NGỪNG KHAI THÁC TUYẾN/NGỪNG PHƯƠNG TIỆN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA

Kính gửi: Sở Xây dựng……...

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải: ……..……

2. Địa chỉ: ……

3. Số điện thoại/số Fax:…….……

4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt Nam - Campuchia số: ..... ngày cấp:…….

5. Kể từ ngày ...../...../..... ..... (đơn vị kinh doanh vận tải) sẽ ngừng khai thác tuyến/ngừng phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia.

6. Tên tuyến đề nghị ngừng khai thác (Đối với tuyến ngừng khai thác):

7. Danh sách phương tiện ngừng khai thác tuyến:

8. Nhận kết quả bằng hình thức:

- Bản kết quả điện tử hợp lệ □
- Bản kết quả giấy □

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....
- Lưu:...

ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI
(Ký tên, đóng dấu)

**** Chú ý:***

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).
- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu số 14

ỦY BAN NHÂN DÂN ……	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
SỞ XÂY DỰNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: .../SXD-….	*..., ngày ... tháng ... năm ...*

THÔNG BÁO
NGỪNG KHAI THÁC TUYẾN/NGỪNG PHƯƠNG TIỆN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA

Kính gửi: ..... *(Tên đơn vị kinh doanh vận tải gửi hồ sơ đăng ký).*

Căn cứ các quy định hiện hành về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia;

Sở Xây dựng …. thông báo cho đơn vị kinh doanh vận tải ngừng khai thác tuyến/ngừng phương tiện chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia.

Tên tuyến: ..... đi ..... và ngược lại.

Bến đi: Bến xe ..... (thuộc tỉnh (TP) ..... *(tỉnh đi)* .....).

Bến đến: Bến xe ..... (thuộc tỉnh (TP) ..... *(tỉnh đến)* .....).

Danh sách phương tiện ngừng khai thác tuyến: .....

Nơi nhận:	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**
- Như trên;	*(Ký tên, đóng dấu)*
-	
- Lưu:...	

**** Chú ý:***

Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu số 15

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
_____	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ..../....	*...., ngày .... tháng .... năm ....*

GIẤY ĐỀ NGHỊ
TĂNG/GIẢM TẦN SUẤT CHẠY XE TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA

Kính gửi: Sở Xây dựng ……...

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải: ……..……..

2. Địa chỉ: ……..……..

3. Số điện thoại/Số Fax:……..

4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt Nam - Campuchia số: ..... ngày cấp:……..

5. Kể từ ngày ...../..... /....., ... (đơn vị kinh doanh vận tải)..... sẽ tăng/giảm tần suất chạy xe trên tuyến ……..

6. Danh sách/số chuyến xe tăng/giảm tần suất khai thác: ……

7. Nhận kết quả bằng hình thức:

- Bản kết quả điện tử hợp lệ □
- Bản kết quả giấy □

Nơi nhận:	**ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI**
- Như trên;	*(Ký tên, đóng dấu)*
-	
- Lưu:...	

**** Chú ý:***

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).
- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu số 16

ỦY BAN NHÂN DÂN ….	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
SỞ XÂY DỰNG …	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: .../SXD-……	*....., ngày ..... tháng ..... năm .....*

THÔNG BÁO
TĂNG/GIẢM TẦN SUẤT CHẠY XE TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA

Kính gửi: .....

Căn cứ các quy định hiện hành về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia;

Sở Xây dựng ….. thông báo cho ..... (đơn vị kinh doanh vận tải) ..... tăng/giảm tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia.

Tên tuyến: ..... đi ..... và ngược lại.

Số chuyến/xe tăng/giảm khai thác trên tuyến: .....

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....
- Lưu:...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

**** Chú ý:***
Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.